

Số: 167/BC-UBND

Gia Lai, ngày 19 tháng 11 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2020,**  
**TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2021**

**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2020:**

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 05/12/2019 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 11 - khóa XI về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2020; được sự quan tâm của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát của HĐND tỉnh, sự phối hợp của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, nhân dân và các doanh nghiệp trong tỉnh; UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện các mặt công tác trọng tâm sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH:**

- Đã kịp thời chỉ đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị và nhân dân thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19; xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó với mọi tình huống; không chủ quan, bị động, bất ngờ; kiểm soát chặt tuyến biên giới và hoạt động nhập cảnh từ Campuchia. Đẩy mạnh thông tin, truyền thông, góp phần thực hiện tốt các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

- Ban hành kế hoạch phục hồi, phát triển kinh tế của tỉnh sau dịch Covid-19. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, giải ngân vốn đầu tư công, thúc đẩy xuất nhập khẩu, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội... vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội vừa phòng, chống dịch hiệu quả. Chỉ đạo khôi phục lại các hoạt động dịch vụ, du lịch, thể thao trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện kịp thời việc hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khó khăn do dịch Covid-19, bảo đảm đúng đối tượng, không để thất thoát, trục lợi chính sách.

- Đôn đốc triển khai các nhiệm vụ kế hoạch 2020 ngay từ đầu năm. Ban hành các kế hoạch hành động thực hiện: Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp quốc gia năm 2020; Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Chuẩn bị chu đáo, đúng thời gian các kế hoạch, chương trình làm việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh.

- Rà soát, đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Xây dựng quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và năm 2021.

- Chuẩn bị các điều kiện, tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ các cấp; Đại hội thi đua yêu nước tỉnh lần thứ X, lễ công bố thành phố Pleiku là đô thị loại I trực thuộc tỉnh.

- Triển khai Nghị quyết và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, trong đó tập trung vào 04 chương trình hành động trọng tâm của Nghị quyết.

- Tập trung thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, các biện pháp ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan, nhất là các đợt bão, lụt trong tháng 10, 11. Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng. Triển khai rà soát hiện trạng, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng; xây dựng khung giá rừng; kiểm tra kết quả trồng rừng từ năm 2017 đến nay và đôn đốc thực hiện kế hoạch trồng rừng năm 2020. Hoàn thiện hồ sơ Dự án vùng tưới thủy lợi Ia Mơr, huyện Chư Prông. Rà soát việc quản lý, sử dụng đất; công tác quản lý, khai thác, sử dụng nguồn nước ngầm, các công trình thủy lợi, các công trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn; xử lý các vướng mắc trong việc cung cấp đất san lấp của các công trình vốn ngân sách nhà nước; tập trung công tác bảo vệ môi trường, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm.

- Thành lập các đoàn kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, hỗ trợ các nhà đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm; xử lý các dự án, công trình xây dựng cơ bản chậm triển khai. Đôn đốc rà soát, đề xuất thu hồi các dự án kêu gọi đầu tư chậm tiến độ trên địa bàn. Chủ động phân bổ kịp thời các nguồn kinh phí phòng, chống dịch bệnh. Triển khai quyết liệt công tác thu ngân sách, tiết kiệm các khoản chi không thật sự cần thiết. Triển khai các giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; công bố bộ chỉ số DDCI; phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Tập trung phòng, chống bệnh bạch hầu, sốt xuất huyết... Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020; triển khai kế hoạch năm học 2020-2021. Triển khai đề án sáp nhập các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh và phương án sắp xếp lại Trường Cao đẳng sư phạm Gia Lai.

- Chỉ đạo tập trung xử lý dứt điểm các vụ việc tranh chấp, lấn chiếm đất đai, khiếu kiện, khiếu nại phức tạp, kéo dài. Tăng cường đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn các hoạt động chống phá, truy quét các loại tội phạm, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tăng cường tuần tra, kiểm soát giao thông, xử lý nghiêm vi phạm về trật tự an toàn giao thông; thực hiện đúng kế hoạch tuyển chọn, gọi quân nhân nhập ngũ năm 2020.

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các thành viên UBND tỉnh thực hiện nghiêm túc các quy định, các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. UBND tỉnh đã thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa đảm bảo phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể UBND tỉnh, vừa đề cao trách nhiệm của cá nhân của Chủ tịch UBND, các Phó Chủ tịch, các thành viên UBND tỉnh. Điều hành công việc theo đúng quy chế làm việc; thực hiện chế độ hội ý, giao ban để nắm bắt thông tin, thảo luận công việc; dành thời gian đi cơ

sở, làm việc với các sở, ngành, địa phương, chỉ đạo tháo gỡ vướng mắc kết hợp đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Làm việc với Chính phủ, các bộ, ngành trung ương để được hỗ trợ giải quyết các khó khăn vướng mắc, tranh thủ các nguồn vốn đầu tư vào địa phương. Tham dự các hội nghị, hội nghị trực tuyến do Chính phủ và các bộ, ngành trung ương tổ chức. Trực tiếp kiểm tra, nắm tình hình, chỉ đạo giải quyết các vấn đề đột xuất phát sinh và các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở cơ sở.

Tuy nhiên, việc thực hiện Quy chế làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc, có nơi chưa nghiêm. Người đứng đầu một số sở, ngành, địa phương chưa quyết liệt, thiếu nhất quán trong công tác phối hợp, tham mưu đề xuất; thiếu sâu sát, không nắm được thông tin và báo cáo kịp thời những vấn đề nổi cộm. Vẫn còn tình trạng né tránh, ngại đề xuất những vấn đề mới có tính đột phá.

## **II. VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH, ĐỐI NGOẠI NĂM 2020 (có biểu số 1 kèm theo)**

Trong 21 chỉ tiêu chủ yếu năm 2020 mà Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra, dự ước có 15 chỉ tiêu đạt, vượt kế hoạch đề ra và 06 chỉ tiêu không đạt (tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thu nhập bình quân đầu người, kim ngạch xuất khẩu, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ, số lao động được tạo việc làm mới).

Tổng sản phẩm trong tỉnh năm 2020 (theo giá so sánh 2010) tăng 6,3% so với năm 2019 (Nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng 5,91%, công nghiệp - xây dựng tăng 6,66%, dịch vụ tăng 6,6%, thuế sản phẩm tăng 3,88%). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch phù hợp; trong đó nông lâm nghiệp - thủy sản chiếm 36,01%, công nghiệp - xây dựng chiếm 27,57%, dịch vụ chiếm 33,28%, thuế sản phẩm 3,14%. GRDP bình quân đầu người đạt 51,9 triệu đồng.

### **1. Về lĩnh vực kinh tế: (có biểu số 2 kèm theo)**

1.1. Nông - lâm nghiệp - thủy sản: Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2020 (theo giá so sánh 2010) ước thực hiện 30.186 tỷ đồng, đạt 100,52% kế hoạch, tăng 5,84% so với cùng kỳ, đạt 100% so với kịch bản sau dịch Covid-19; trong đó: nông nghiệp tăng 5,92%; lâm nghiệp tăng 1,04%; thủy sản tăng 4,24% so với cùng kỳ. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

a) Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng ước thực hiện 549.368 ha, đạt 102,46% kế hoạch, tăng 2,99% so với cùng kỳ năm 2019<sup>(1)</sup>. Năng suất, sản lượng hầu hết các loại cây trồng đạt kế hoạch và tăng so với cùng kỳ. Do giá sản phẩm luôn duy trì ở mức cao nên nhiều hộ dân đã chuyển đổi diện tích đất trồng mía kém hiệu quả sang trồng sắn.

- Năm 2020 toàn tỉnh trồng tái canh 2.096,6 ha cà phê, đạt 84,3% kế hoạch<sup>(2)</sup>; có 28.130,6 ha cây trồng ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, đạt 132,2% kế hoạch<sup>(3)</sup>; chuyển đổi 591 ha đất lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng có giá trị

<sup>1</sup> Trong đó: Nhóm cây lương thực ước đạt 120.329 ha, đạt 97,75% KH, giảm 0,33% so với cùng kỳ; nhóm cây tinh bột có củ ước đạt 83.078 ha, đạt 110,04% KH, tăng 5,01%; nhóm cây thực phẩm ước đạt 57.444 ha, đạt 112,53% KH, tăng 12,53%; nhóm cây công nghiệp ngắn ngày ước đạt 38.239 ha, đạt 86,67% KH, giảm 9,33%; cây hàng năm khác ước đạt 10.162 ha, đạt 105,85% KH, tăng 6,23%; cây công nghiệp dài ngày đạt 220.954 ha, đạt 100,84% KH, tăng 0,05%; nhóm cây ăn quả 18.180 ha, đạt 139,85% KH, tăng 54,73%; cây dược liệu, lâu năm khác: 982 ha, đạt 139,29% KH, tăng 39,99%.

<sup>2</sup> Doanh nghiệp 164 ha, hộ gia đình trồng tái canh 1.932,6 ha (đồng bào DTTS trồng tái canh: 622,6 ha/1.610 hộ). Lũy kế thực hiện trong giai đoạn năm 2016 - 2020 đã tái canh được 12.587,5 ha/13.660 ha đạt 92,5% kế hoạch.

<sup>3</sup> Diện tích người dân ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước 21.310,2 ha; diện tích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước 6.690,5 ha; diện tích cây trồng cạn được nhà nước đầu tư xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao là 129,9 ha.

kinh tế, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, phù hợp với nhu cầu của thị trường<sup>(4)</sup>. Công tác quản lý dịch bệnh trên cây trồng tuy được quan tâm chỉ đạo, nhưng vẫn xảy ra một số bệnh trên cây trồng như sâu keo (mùa thu hại ngô, khảm lá virus hại sắn, bệnh trắng lá mía...).

b) Chăn nuôi: Theo số liệu thống kê (thời điểm tháng 10/2020), đàn trâu có 14.140 con, đạt 92,24% kế hoạch, tăng 0,93% so với cùng kỳ; đàn bò 417.000 con, đạt 102,46% kế hoạch, tăng 8,09%; đàn heo 425.250 con, đạt 105% kế hoạch, tăng 37,73%. Sản lượng thịt trâu, bò hơi tăng 12,97% so với cùng kỳ, thịt heo hơi tăng 6,41%. Trong năm, có 68 dự án xin chủ trương đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao với quy mô lớn đã thúc đẩy ngành chăn nuôi của tỉnh phát triển<sup>(5)</sup>.

Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, thủy sản không có diễn biến phức tạp, tuy nhiên từ ngày 25/6/2020, dịch tả lợn Châu Phi tái phát trở lại ở phạm vi hẹp tại 07 xã, phường thuộc các huyện Ia Pa, huyện Phú Thiện và thị xã Ayun Pa, với 220 con mắc, tổng trọng lượng tiêu hủy gần 5,2 tấn. Đến ngày 16/11/2020, chỉ còn 01 ổ dịch thuộc 01 hộ dân trên địa bàn huyện Ia Pa là chưa qua 21 ngày kể từ ngày có ca mắc bệnh cuối cùng.

c) Thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản là 15.040 ha, đạt 104,16% kế hoạch, tăng 4,37% so với cùng kỳ. Sản lượng 6.515 tấn, đạt 100,85% kế hoạch, tăng 2,6% so với cùng kỳ. Một số địa phương có diện tích khai thác thủy sản lớn như: Chư Păh, Ia Grai, Kbang, Chư Prông, Krông Pa, An Khê, Chư Sê...

d) Sản xuất lâm nghiệp: Triển khai kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, tỉnh đã chỉ đạo các địa phương, đơn vị chủ rừng triển khai kế hoạch trồng rừng; trong đó xác định rõ vị trí theo lô, khoảnh, tiểu khu; xác định đúng đối tượng cần hỗ trợ kinh phí trồng rừng; rà soát, kiểm tra việc chuẩn bị đất, cây giống. Dự kiến năm 2020 trồng được 5.004 ha rừng, đạt 100,08% kế hoạch. Giao khoán quản lý bảo vệ rừng và hợp đồng bảo vệ rừng 145.357,7 ha, đạt 94,46% kế hoạch; chăm sóc 18.087,7 ha rừng, đạt 103,06% kế hoạch; khai thác 110 nghìn m<sup>3</sup> gỗ rừng trồng, đạt 100% kế hoạch. Tổ chức tuyên truyền và ký cam kết an toàn lửa rừng 542 đợt, với 37.940 lượt người tham gia. Đã trình UNESCO hồ sơ khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng.

Việc chuyển mục đích sử dụng rừng được kiểm soát chặt chẽ. Ý thức của chính quyền, cán bộ và nhân dân trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ngày càng nâng cao. Các vụ vi phạm lâm luật được điều tra xử lý nghiêm. Xảy ra 05 vụ cháy rừng trong mùa khô, thiệt hại 35,725 ha<sup>(6)</sup>. Phát hiện 481 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp<sup>(7)</sup>, tăng 05 vụ so với cùng kỳ; đã xử lý hành chính 426 vụ, xử lý hình sự 51 vụ; tịch thu 681,8 m<sup>3</sup> gỗ các loại, 180 phương tiện; thu nộp ngân sách trên 06 tỷ đồng.

<sup>4</sup> Trong đó Chuyển sang trồng ngô 65,8 ha, khoai lang 113 ha, sắn 45 ha, rau đậu các loại 157,5 ha, lạc 0,5 ha, thuốc lá 78 ha, dưa hấu 89 ha, Cây hoa 32,2 ha, ớt 10 ha.

<sup>5</sup> 68 dự án đầu tư quy mô: 127.500 con bò thịt; 71.171 con heo nái; 70.160 con heo cai sữa; 2.294 heo đực; 881.870 heo thịt; 40.000 gà đẻ và 19.200 vịt đẻ, gồm: 14 dự án đã được tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư (trong đó dự kiến đến cuối năm 2020 có 09 đi vào hoạt động); 12 dự án đã được tỉnh đồng ý chủ trương nghiên cứu, đề xuất dự án và 42 dự án đang đề nghị UBND tỉnh cho chủ trương nghiên cứu, đề xuất thực hiện dự án.

<sup>6</sup> Trong đó: Diện tích cây keo, bạch đàn của người dân là 11,38 ha; diện tích rừng trồng chưa thành rừng 8,716 ha, rừng trồng thành rừng là 8,579 ha, cháy thực bì dưới tán rừng thông và rừng tự nhiên có khả năng phục hồi là 7,05 ha.

<sup>7</sup> Mua bán, vận chuyển, tàng trữ, chế biến lâm sản trái pháp luật 355 vụ; phá rừng trái pháp luật 64 vụ; khai thác rừng trái pháp luật 48 vụ, vi phạm về phòng cháy chữa cháy rừng 05 vụ, vi phạm khác 09 vụ.

- Các địa phương có số vụ vi phạm tăng gồm: Mang Yang, Ia Pa, Chư Prông, Chư Sê, Chư Pưh, Kông Chro, Phú Thiện, Krông Pa, Ia Grai...

Thu tiền dịch vụ môi trường rừng ước đạt 85 tỷ đồng, bằng 80,02% kế hoạch (trong đó thu tiền trồng rừng thay thế 4,03 tỷ đồng); chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đạt 100% số thu thực tế.

1.2. Công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được đặc biệt quan tâm, UBND tỉnh kịp thời ban hành các Công điện chỉ đạo chủ động triển khai các biện pháp phòng tránh, ứng phó với mưa, bão, hạn hán. Tuy nhiên, vẫn có thiệt hại về người và tài sản, cụ thể: Làm chết 02 người, mất tích 1 người, bị thương 3 người và nhiều cơ sở vật chất khác bị hư hại, ước thiệt hại khoảng 667 tỷ đồng<sup>(8)</sup>. Tỉnh đã trình Trung ương xem xét hỗ trợ 145 tỷ đồng để khôi phục cơ sở hạ tầng bị hư hỏng, hỗ trợ người dân vùng bị thiệt hại theo Nghị quyết số 165/NQ-CP của Chính phủ.

### 1.3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tiếp tục được các địa phương quan tâm chỉ đạo sát sao, cộng đồng doanh nghiệp và người dân nhiệt tình tham gia. Thị xã An Khê đã hoàn thành hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét thẩm định công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2019, thị xã Ayun Pa đã được thẩm tra kết quả và đang lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2019. Dự kiến đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có thêm 18 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh lên 88 xã<sup>(9)</sup>; bình quân đạt 15,78 tiêu chí nông thôn mới/xã; có 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có thêm 56 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 65,9% kế hoạch, nâng tổng số thôn, làng đạt chuẩn lên 97 thôn, làng. Đánh giá 104 sản phẩm OCOP, dự kiến năm 2020 có thêm 80 sản phẩm đạt OCOP từ 3-4 sao, lũy kế có 122 sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh.

Đã huy động, lồng ghép trên 2.934 tỷ đồng từ các nguồn vốn để thực hiện Chương trình, trong đó vốn ngân sách nhà nước 1.917,6 tỷ đồng, gồm: vốn đầu tư trực tiếp 1.122,3 tỷ đồng (ngân sách trung ương 662,6 tỷ đồng, ngân sách địa phương 459,7 tỷ đồng), vốn lồng ghép 795,3 tỷ đồng; vốn ngoài ngân sách 1.016,4 tỷ đồng (vốn tín dụng 881,4 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp 41,7 tỷ đồng, cộng đồng dân cư đóng góp 93,3 tỷ đồng).

1.4. Công nghiệp: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) ước đạt 22.519 tỷ đồng, bằng 98,26% kế hoạch, tăng 6,61% so với cùng kỳ, đạt chỉ tiêu kịch bản tăng trưởng sau dịch Covid-19; trong đó công nghiệp khai khoáng ước thực hiện 174,1 tỷ đồng, đạt 96,74% kế hoạch, tăng 13,09%; công nghiệp chế biến, chế tạo 15.059,7 tỷ đồng, đạt 98,44% kế hoạch, tăng 6,62%; công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt 7.193,2 tỷ đồng, đạt 97,91% kế hoạch, tăng 6,44%; cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải 92,1 tỷ đồng, đạt 100,06% kế hoạch, tăng 6,28%<sup>(10)</sup>.

Hiện 220/220 xã, phường, thị trấn của tỉnh đã có điện lưới quốc gia, với 383.213 hộ dân sử dụng điện, bằng 99,86% số hộ. Toàn tỉnh có 49 công trình thủy điện (08 công

<sup>8</sup> Về hạn hán: Tổng diện tích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản bị thiệt hại do hạn hán gây ra trong vụ đông xuân năm 2019-2020 là 9.116,10 ha, ước thiệt hại khoảng 188 tỷ đồng (trong đó: thiệt hại > 70% là: 2.103,96ha; từ 30-70% là 6.032,68ha; dưới 30% là 979ha). 0,4 ha diện tích nuôi trồng thủy sản thiệt hại từ 30-70%.

Về giông, lốc sét, mưa đá và bão, áp thấp nhiệt đới: Thiệt hại 23.725,9 ha cây trồng các loại thiệt hại; 1.894 căn nhà bị hư hỏng ( 27 căn hư hỏng >70%; 408 căn hư hỏng từ 30% -70%; 1.332 căn hư hỏng <30%.) và nhiều cơ sở vật chất khác bị hư hại, ước thiệt hại khoảng 479 tỷ đồng.

<sup>9</sup> Năm 2019 có 71 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tuy nhiên thực hiện phương án sáp nhập nên có 70 xã đạt chuẩn nông thôn.

<sup>10</sup> Các sản phẩm có giá trị tăng so với cùng kỳ: Sản lượng điện tăng 6,41%; chế biến đường tinh chế tăng 4,16%; chè các loại tăng 1,63%; chế biến tinh bột sắn tăng 14,84%; sản phẩm MDF tăng 2,15%; xi măng tăng 26,26%; đá Granit tăng 0,64%; phân vi sinh tăng 0,45%.

- Các sản phẩm có giá trị giảm so với cùng kỳ: Chế biến sữa giảm 10,22%.

trình thủy điện lớn, 41 công trình thủy điện vừa và nhỏ), 02 công trình điện sinh khối, 02 công trình điện mặt trời và 1.619 hệ thống điện mặt trời mái nhà (công suất khoảng 143 MWp) đã đưa vào vận hành với công suất 2.597,7 MW. Năm 2020 toàn tỉnh tiết kiệm hơn 21,24 triệu Kwh (tương đương 43,53 tỷ đồng). Trong năm đã cấp quyết định chủ trương đầu tư cho 14 dự án điện gió, với công suất 1.192,4MW.

Khu Công nghiệp Trà Đa thu hút thêm 03 dự án với tổng vốn đăng ký 166,6 tỷ đồng. Hiện có 51 nhà đầu tư triển khai 58 dự án (có 04 dự án FDI), tổng vốn đầu tư đăng ký 2.403 tỷ đồng, trong đó có 43 dự án đã đi vào hoạt động, giá trị sản xuất ước đạt 2.639 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ), kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 86,9 triệu USD (tăng 46%), giải quyết việc làm cho 1.827 lao động (giảm 8%). Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh thu hút thêm 03 dự án với tổng vốn đăng ký 32,1 tỷ đồng. Hiện có 30 nhà đầu tư triển khai 37 dự án, tổng vốn đăng ký 508,3 tỷ đồng, trong đó có 11 dự án đã đi vào hoạt động. Kim ngạch xuất, nhập khẩu qua Cửa khẩu đạt 67 triệu USD, tăng 1,8%. Khu công nghiệp Nam Pleiku đang triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng. Trên địa bàn tỉnh hiện có 11 cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết với tổng diện tích 378,97 ha, có 02 cụm công nghiệp đã thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng, 05 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động với tổng diện tích là 175,41 ha, thu hút 58 dự án đầu tư với tổng vốn đầu tư gần 1.000 tỷ đồng (17 dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động, 13 dự án đang xây dựng và 28 dự án đang lập dự án và đăng ký đầu tư).

#### 1.5. Đầu tư - xây dựng cơ bản:

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh ước đạt 30.000 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch, tăng 15,39% so với cùng kỳ.

Vốn đầu tư công năm 2020 (kể cả nguồn vốn kéo dài từ năm 2019 sang năm 2020 và vốn bổ sung) là 3.620,675 tỷ đồng. Tính đến 11/11/2020, khối lượng thực hiện đạt 2.560 tỷ đồng, bằng 70,71% kế hoạch, giải ngân đạt 2.510,3 tỷ đồng bằng 69,3% kế hoạch (trong đó ngân sách tỉnh giải ngân đạt 70,6%, ngân sách trung ương đạt 71,8%, chương trình mục tiêu quốc gia đạt 75,4%, ODA đạt 59,2%, vốn kéo dài năm 2019 sang năm 2020 đạt 71,4%. vốn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 đạt 9,7%). UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn<sup>(11)</sup>, tổ chức 03 đoàn đi kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và các dự án kêu gọi đầu tư tại một số sở, ngành và 17/17 địa phương; thực hiện chế độ báo cáo, giao ban hàng tuần; cắt giảm, điều chuyển vốn các dự án chậm giải ngân, các dự án không có nhu cầu vốn để điều chuyển cho các dự án quan trọng, cấp bách cần đẩy nhanh tiến độ, có khả năng giải ngân nhanh vốn đầu tư. Phấn đấu đến cuối năm 2020 giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng phục vụ thi công các dự án của trung ương đầu tư trên địa bàn<sup>(12)</sup>.

#### 1.6. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch:

Việc lập quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện đúng quy định. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg. Tỉnh đã tổ chức thẩm định dự toán quy hoạch tỉnh<sup>(13)</sup>, dự kiến đến cuối năm 2020 sẽ ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn để triển khai lập quy hoạch tỉnh. Phê duyệt 03 đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị<sup>(14)</sup>; đang hoàn chỉnh

<sup>11</sup> Các văn bản: số 481/UBND-KTTH ngày 06/3/2020, số 1255/UBND-KTTH ngày 16/6/2020, số 1320/KH-UBND ngày 25/6/2020, số 1542/UBND-KTTH ngày 27/7/2020, số 1847/UBND-KTTH ngày 08/9/2020.

<sup>12</sup> Gồm: Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 25; dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên (Quốc lộ 19); dự án đường dây 500KV Dốc Sỏi – Pleiku 2.

<sup>13</sup> Hiện đơn vị tư vấn bổ sung chỉnh sửa, hoàn thiện, trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán.

<sup>14</sup> Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Prông; thị trấn Kbang; thị trấn Kong Chro.

hồ sơ trình phê duyệt 15 quy hoạch; thẩm định 01 nhiệm vụ quy hoạch<sup>(15)</sup>. Tổ chức thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 699/TTg-CN ngày 10/6/2020 về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiú đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

#### 1.7. Thương mại - xuất nhập khẩu:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước thực hiện 75.000 tỷ, đạt 93,75% kế hoạch, tăng 7,78% so với cùng kỳ, đạt 100% kịch bản tăng trưởng sau dịch Covid-19. Đảm bảo dự trữ hàng hoá phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân theo các tình huống, diễn biến dịch Covid-19.

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10 giảm 0,05% so với tháng 9<sup>(16)</sup>, tăng 0,76% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng tăng 1,37% so với cùng kỳ.

- Tập trung triển khai kế hoạch cao điểm đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; kiểm tra, kiểm soát thị trường, nhất là đối với những hàng hóa, dịch vụ đáp ứng trực tiếp nhu cầu tiêu dùng trong dịp tết, các đợt nghỉ lễ và thời gian dịch covid-19; không để xảy ra tình trạng đầu cơ, găm hàng, tung tin thất thiệt gây tăng giá đột biến, cục bộ. Từ đầu năm đến nay, các lực lượng chức năng thuộc Ban chỉ đạo 389 tỉnh đã phát hiện và xử lý 2.735 vụ vi phạm (trong đó khởi tố hình sự 67 vụ); xử phạt tang vật, hàng hóa bị tịch thu với số tiền 34,5 tỷ đồng.

- Kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện 580 triệu USD, bằng 92,06% kế hoạch, tăng 16% so với cùng kỳ, đạt 100% kịch bản tăng trưởng sau dịch Covid-19<sup>(17)</sup>. Ảnh hưởng từ 02 đợt dịch bệnh Covid-19 dẫn đến hoạt động giao thương bị chậm lại, nhu cầu mua sắm hàng hóa không quá thiết yếu của thị trường nước ngoài suy giảm. Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và liên minh châu Âu (Hiệp định EVFTA) chính thức có hiệu lực vào tháng 8/2020, tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp của tỉnh tiếp cận thị trường rộng lớn, một số ngành hàng có thuế suất ưu đãi 0%; đây là điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp của tỉnh đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thực phẩm, trái cây<sup>(18)</sup>...

- Kim ngạch nhập khẩu đạt 90 triệu USD, đạt 100% kế hoạch, giảm 5,46% so với cùng kỳ. Do hoạt động nhập khẩu hàng hóa qua Cửa khẩu Lệ Thanh suy giảm, trong năm không phát sinh kim ngạch nhập khẩu gỗ, hạt điều giảm hơn 50% về lượng và kim ngạch.

#### 1.8. Tài chính - Ngân hàng:

##### a) Tài chính:

Thu ngân sách nhà nước năm 2020 ước thực hiện 4.628,4 tỷ đồng, bằng 101,3% dự toán trung ương giao, 89% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 1,8% so với cùng kỳ; trong đó thu nội địa 3.501 tỷ đồng thực hiện 88,6% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 1% (thu tiền sử dụng đất ước thực hiện 1.000 tỷ đồng, đạt 92,8% HĐND tỉnh giao, tăng

<sup>15</sup> Lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng và đã tổ chức thẩm định: Nhiệm vụ và Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung khu phức hợp Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.

<sup>16</sup> Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 06 nhóm hàng giảm so với tháng trước: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,13%; giao thông giảm 0,07%; may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,03%; nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD giảm 0,03%; thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,03%; hàng hoá và dịch vụ khác giảm 0,02%. Có 02 nhóm ngành tăng: Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,37%; văn hoá giải trí và du lịch tăng 0,03%. Có 03 nhóm hàng bình ổn giá: Nhóm thuốc và dịch vụ y tế, bưu chính viễn thông và giáo dục.

<sup>17</sup> Xuất khẩu cà phê 200.000 tấn/298 triệu USD, tăng 11,73% về lượng, tăng 2,4% về giá trị; mùn cao su: 6.500 tấn/9,4 triệu USD, tăng 75,6% về lượng, tăng 70,9% về giá trị; sản phẩm gỗ: 7,5 triệu USD, tăng 7,14% so cùng kỳ; hàng khác đạt: 263,3 triệu USD, tăng 34,6% so cùng kỳ.

<sup>18</sup> Có 02 doanh nghiệp xuất khẩu lô hàng cà phê và chanh dây đầu tiên sang châu Âu (Công ty TNHH Vĩnh Hiệp, Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao)

21,1%; thu xổ số kiến thiết ước thực hiện 120 tỷ đồng, đạt 85,7% HĐND tỉnh giao, giảm 22,1%). Một số khoản thu không đạt so với dự toán như: Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương; thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh; lệ phí trước bạ; thuế thu nhập cá nhân; thu phí, lệ phí; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2020 ước thực hiện 14.263 tỷ đồng, bằng 110,4% dự toán trung ương giao, 104,6% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 12,6% so với cùng kỳ. Thực hiện đúng quy định việc cắt giảm 70% chi hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên trong 8 tháng cuối năm 2020 của từng địa phương, cơ quan, đơn vị với số tiền 102,34 tỷ đồng (ngân sách cấp tỉnh 50,11 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện 52,23 tỷ đồng). Đảm bảo kịp thời các nhiệm vụ chi mà dự toán HĐND tỉnh đã thông qua và đã bố trí nguồn kinh phí để phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid-19, phòng chống lụt bão; đã ban hành chương trình hành động và triển khai thực hiện nghiêm túc việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện nghiêm các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước. (có báo cáo cụ thể về tình hình thu chi ngân sách Nhà nước năm 2020).

b) Ngân hàng: Ngành ngân hàng tiếp tục triển khai cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, tưới tiết kiệm nước, tái canh cà phê, chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, chương trình bình ổn thị trường, cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa... Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn đến cuối năm 2020 ước đạt 39.600 tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ; tổng dư nợ cho vay 94.100 tỷ đồng, tăng 2,5%; nợ xấu chiếm 3,72% tổng dư nợ, tăng 1% so với cùng kỳ<sup>19</sup>. Năm 2020, tỉnh đã tiếp tục bổ sung 20 tỷ đồng vốn ngân sách tỉnh, ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách (tổng vốn ủy thác từ ngân sách tỉnh đến nay là 150 tỷ đồng).

Đến ngày 18/11, số dư nợ bị ảnh hưởng bởi dịch là 15.625 tỷ đồng, đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ và miễn, giảm lãi cho 8.954 khách hàng với 4.626 tỷ đồng. Cho 2.093 khách hàng vay với 6.317 tỷ đồng.

1.9. Giao thông vận tải: Xây dựng kế hoạch phục vụ trong dịp tết, các đợt nghỉ lễ; thực hiện đúng quy định giá cước vận tải, tăng cường phương tiện, nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo thuận lợi tối đa cho người dân đi lại; thực hiện các biện pháp kiểm tra việc đảm bảo an toàn kỹ thuật các phương tiện vận tải; kiểm tra, xử lý việc vi phạm lòng đường, lề đường, hành lang an toàn giao thông. Kiểm tra xe ô tô đưa đón học sinh. Chỉ đạo tổ chức phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân nhưng phải đảm bảo công tác phòng, chống dịch Covid-19. Thực hiện đúng kế hoạch công tác quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, quản lý chất lượng công trình; duy tu, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông. Doanh thu vận tải ước đạt 5.960 tỷ đồng, bằng 95,8% kế hoạch, tăng 3,98% so với cùng kỳ<sup>20</sup>.

1.10. Tài nguyên và môi trường: Ban hành Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tại Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 03/2020/QĐ-

<sup>19</sup> Trên địa bàn hiện có 24 chi nhánh ngân hàng thương mại, 01 chi nhánh ngân hàng hợp tác xã, 01 chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội, 01 chi nhánh ngân hàng phát triển và 06 quỹ tín dụng nhân dân với 144 điểm giao dịch. Có 197 máy ATM và 1.048 POS; có 1.905 đơn vị hưởng lương ngân sách nhà nước thực hiện trả lương qua tài khoản với 62.930 thẻ.

<sup>20</sup> Vận chuyển hàng hóa ước đạt 29,5 triệu tấn, bằng 95,8% kế hoạch, tăng 8,93% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển ước đạt 4.780 triệu tấn/km bằng 95,7% kế hoạch, tăng 11,7%. Vận tải hành khách ước đạt 23,3 triệu lượt hành khách, bằng 95,8% kế hoạch, tăng 9,59%; hành khách luân chuyển ước đạt 3.590 triệu hành khách/km, bằng 95,7% kế hoạch, tăng 10,67%.



UBND ngày 09/01/2020 về việc quy định diện tích, kích thước tối thiểu được phép tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 cấp huyện. Kiểm tra, rà soát các dự án đã được giao đất nhưng đến nay không thực hiện đúng cam kết và hợp đồng thuê đất, thanh lý hợp đồng theo đúng quy định. Giao đất cho 39 tổ chức, với tổng diện tích 78.625 ha; cho 52 tổ chức thuê đất, với tổng diện tích 4.440 ha. Cấp 10 giấy phép khai thác khoáng sản, 12 giấy phép thăm dò khoáng sản, phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản 10 mỏ, phê duyệt trữ lượng khoáng sản 14 mỏ, 19 giấy xác nhận đăng ký khu vực khai thác đất san lấp phục vụ các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước; cấp 08 giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, 07 giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất, 10 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường 34 dự án. Tập trung kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, khai thác khoáng sản.

Đến ngày 31/10/2020, toàn tỉnh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đạt 97,15%, với diện tích 1.008.243,6 ha và 826.458 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó: đất của tổ chức đạt 99,99%, đất hộ gia đình, cá nhân đạt 93,26%).

## **2. Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, kêu gọi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, kinh tế tập thể:**

- UBND tỉnh đã rà soát, phân tích đánh giá cụ thể từng tiêu chí, các mặt tồn tại, hạn chế của từng sở, ngành, địa phương, đơn vị để chỉ đạo xây dựng kế hoạch khắc phục từng tiêu chí của Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh<sup>(21)</sup> và Bộ chỉ số cải cách hành chính năm 2019<sup>(22)</sup>; công bố kết quả xếp hạng cải cách hành chính năm 2019 của tỉnh và năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương của tỉnh năm 2019.

- Đã ban hành kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 04/02/2020 thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020; xây dựng báo cáo chương trình xúc tiến đầu tư năm 2020 và xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư năm 2021 tỉnh Gia Lai; bổ sung danh mục dự án kêu gọi đầu tư tỉnh Gia Lai giai đoạn 2020-2021. Mời đại diện các hiệp hội doanh nghiệp tham dự các hội nghị có liên quan của tỉnh, hội nghị trực tuyến của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương để doanh nghiệp nắm, tham gia, đồng hành trong quá trình triển khai thực hiện. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm, góp phần quảng bá sản phẩm. Hàng tuần, Chủ tịch UBND tỉnh đã trực tiếp giải quyết các vướng mắc đối với các dự án đầu tư.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là trong công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng Chính quyền điện tử tiếp tục có chuyển biến tích cực. Hầu hết các thông tin chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Hiện tại, các sở, ngành, địa phương đã cung cấp 2.012 dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, 320 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (đạt tỷ lệ 15,9%), 160 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (đạt tỷ lệ 7,9%, đến hết năm 2020, sẽ xây dựng được 331 dịch vụ công trực tuyến mức 4, sẽ đạt tỷ lệ 15,9%) và được tích hợp tại Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia. Số hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến mức 3 và mức độ 4 so với tổng số hồ sơ của các thủ tục hành chính đã được cung

<sup>21</sup> Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2019 của tỉnh đứng thứ 30 toàn quốc, đứng thứ 2 khu vực Tây Nguyên, tăng 03 bậc so với năm 2018; điểm tổng hợp đạt 65,34 điểm, tăng 2,26 điểm.

<sup>22</sup> Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) năm 2019 của tỉnh đứng thứ 41 toàn quốc, đứng thứ 2 khu vực Tây Nguyên, tăng 09 bậc so với năm 2018, với chỉ số trung bình đạt 80,58.

cấp trực tuyến (theo phương pháp đánh giá của Bộ Nội vụ về chấm điểm cải cách hành chính) đạt tỉ lệ 56,59%<sup>(23)</sup>; đến nay có 125/220 đơn vị cấp xã có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến. Triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” trong đó xác định việc xây dựng Chính quyền điện tử làm nền tảng. Đã có 12 bộ phận Một cửa UBND cấp huyện, 09 bộ phận Một cửa cấp xã và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh triển khai việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bru điện.

- Có 1.150 doanh nghiệp thành lập mới, đạt 100,4% kế hoạch, tăng 27,5% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký 9.150 tỷ đồng, tăng 29,6%. Có 110 doanh nghiệp giải thể (tăng 11,5%), 170 doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động (tăng 14,8%), 130 doanh nghiệp hoạt động trở lại (tăng 12,8%). Toàn tỉnh hiện có 7.008 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký 103.915 tỷ đồng (biểu số 3 kèm theo); tuy nhiên hầu hết là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ<sup>(24)</sup>. Tổ chức thành công Ngày hội khởi nghiệp tỉnh Gia Lai lần thứ I - năm 2020.

- Tình hình kêu gọi đầu tư có chuyên biến tích cực, nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế đã quan tâm, tìm hiểu cơ hội hợp tác, đầu tư. Năm 2020, có 56 dự án được phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, với tổng vốn đăng ký 43.700 tỷ đồng (trong đó có 14 dự án điện gió được phê duyệt chủ trương đầu tư, với tổng công suất 1.192,4MW, tổng vốn đầu tư là 41.656 tỷ đồng), có 22 dự án UBND tỉnh đồng ý chủ trương nghiên cứu, lập đề xuất với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 4.127 tỷ đồng. Ngoài ra, có 14 dự án điện mặt trời, với tổng công suất 1.354 MWp và 78 dự án điện gió, với công suất 10.924 MW đang trình Trung ương xem xét bổ sung quy hoạch; có 25 dự án điện mặt trời, với tổng công suất 4.563,5 MWp, 20 dự án điện gió, với công suất dự kiến 3.487 MW các nhà đầu tư đang khảo sát, nghiên cứu.

- Công tác phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được chỉ đạo quyết liệt và có nhiều chuyển biến. Từ đầu năm đến nay đã thành lập mới 37 hợp tác xã. Toàn tỉnh hiện có 300 hợp tác xã<sup>(25)</sup> (trong đó có 290 hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012 và 10 hợp tác xã chưa chuyển đổi) và 01 liên hiệp hợp tác xã, với 17.724 thành viên và giải quyết việc làm cho 1.857 lao động. Thành lập 29 nông hội tại 17 huyện, thị xã, thành phố, với 1.122 thành viên. Việc triển khai liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp và hợp tác xã được đẩy mạnh<sup>(26)</sup>. Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về thực hiện Kết luận 70-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế tập thể. Đã tổ chức Đại hội Liên minh hợp tác xã tỉnh lần thứ VI, nhiệm kỳ 2020-2025.

### **3. Về văn hoá - xã hội:** (có biểu số 4 kèm theo)

3.1. Giáo dục - Đào tạo: Bên cạnh việc thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, các nhiệm vụ trọng tâm được toàn ngành thực hiện nghiêm túc, tích cực; chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên; tiếp tục triển khai đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; công tác giáo

<sup>23</sup> Cụ thể: 5.509/9.705 hồ sơ, trong đó có 2.718 hồ sơ tiếp nhận và giải quyết qua DVCTT độ 3 đạt 54,8% và 2.719 hồ sơ DVCTT mức độ 4 đạt 58,8% trên tổng hồ sơ của từng mức độ, không bao gồm số hồ sơ thực hiện qua các dịch vụ công trực tuyến do các Bộ, ngành Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh.

<sup>24</sup> Chỉ tính riêng đầu tư về năng lượng mặt trời áp mái đã có hơn 310 doanh nghiệp thành lập mới và gần 100 doanh nghiệp thành lập mới để đầu tư về trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm (với vốn điều lệ trung bình khá cao từ 6-7 tỷ/ doanh nghiệp đầu tư điện áp mái và trên 20 tỷ/ doanh nghiệp đầu tư trang trại nuôi lợn), góp phần tăng vốn đầu tư khu vực tư nhân trên địa bàn tỉnh.

<sup>25</sup> Gồm: 232 HTX nông nghiệp, 27 HTX vận tải, 11 HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, 08 HTX xây dựng, 06 HTX thương mại, 06 quỹ tín dụng nhân dân.

<sup>26</sup> Đến nay có 21 doanh nghiệp liên kết với 32 HTX.

dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông được quan tâm thực hiện; các phong trào thi đua chuyên đề của ngành<sup>(27)</sup> triển khai có hiệu quả; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học tiếp tục được đẩy mạnh; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được tăng cường đầu tư<sup>(28)</sup>. Công tác xã hội hóa giáo dục ngày càng được xã hội quan tâm. Chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, chất lượng dạy và học được nâng lên<sup>(29)</sup>. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 được tổ chức nghiêm túc, đúng quy chế; tỷ lệ tốt nghiệp đạt 97,53%, tăng 6,91% so với kỳ thi năm 2019; tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 89% (đạt kế hoạch); tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi ở cấp THCS đạt 91,5% (đạt kế hoạch). Toàn tỉnh có 380/758 trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 50,13% (vượt kế hoạch).

### 3.2. Y tế, dân số và kế hoạch hoá gia đình:

- Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho ngành y tế được chú trọng. Toàn tỉnh hiện có 4.225 giường bệnh, đạt tỷ lệ 27,4 giường bệnh/vạn dân (đạt kế hoạch); 4.259 cán bộ y tế (trong đó 1.226 bác sỹ), đạt tỷ lệ 8,0 bác sỹ/vạn dân (đạt kế hoạch); 92% số xã có bác sỹ; tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 90% (đạt kế hoạch).

- Tình hình dịch bệnh ổn định; không có trường hợp mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như uốn ván, viêm não, ho gà, Cúm A, Zika. Tuy nhiên, tính đến ngày 18/11/2020 có 51 trường hợp dương tính bạch hầu, trong đó tử vong 02 trường hợp, điều trị khỏi bệnh cho xuất viện 48 trường hợp, hiện còn đang điều trị 01 trường hợp; hiện có 21/22 xã đã qua 14 ngày không ghi nhận ca bệnh mới<sup>(30)</sup>; UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện tốt việc kiểm soát và khống chế.

- Chỉ đạo các đơn vị y tế trong toàn tỉnh tăng cường công tác phòng chống bệnh Covid-19. Từ ngày 02/02/2020 đến ngày 18/11/2020, tổng số trường hợp cách ly y tế là 14.946 trường hợp (trong đó: Cách ly tại cơ sở y tế 498 trường hợp; tại khu cách ly tập trung 1.440 trường hợp; tại nhà 13.008 trường hợp), có 14.896/14.946 trường hợp cách ly đã qua 14 ngày (trong đó: Tại cơ sở y tế: 496/498 trường hợp; tại khu cách ly tập trung 1.402/1.438 trường hợp; tại nhà, nơi lưu trú 13.008/13.008 trường hợp); 3.845 trường hợp được lấy mẫu xét nghiệm (không phát hiện mẫu dương tính).

- Tăng cường kiểm tra, giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm (đã kiểm tra 70 cơ sở, phát hiện 19 cơ sở vi phạm). Trong năm xảy ra 02 vụ ngộ độc thực phẩm với 23 người mắc, không có trường hợp tử vong.

- Xã hội hóa ngành y tế có nhiều chuyển biến, toàn tỉnh có 740 cơ sở hành nghề y và 830 cơ sở hành nghề dược tư nhân góp phần tích cực trong việc khám chữa bệnh và cung cấp thuốc thiết yếu cho nhân dân. Bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai, các bệnh viện chuyên khoa mắt (Bệnh viện Mắt Cao Nguyên, Bệnh viện Mắt Quốc tế

<sup>27</sup> “Huy động và duy trì sĩ số học sinh”; “Trường học xanh-sạch-đẹp-an toàn”; “Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2020”; “Cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Gia Lai thi đua thực hiện văn hóa công sở”; “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

<sup>28</sup> Toàn tỉnh có 758 trường mầm non và phổ thông (giảm 10 trường so với năm học 2019-2020 do sáp nhập theo tinh thần Nghị quyết số 19), trong đó: Mầm non: 265 trường; Tiểu học: 207 trường; THCS: 236 trường và THPT: 50 trường.

<sup>29</sup> Toàn ngành có 25.151 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (tính cả ngoài công lập) từ Mầm non, phổ thông đến CĐ, TCCN, trong đó có 05 tiến sĩ, 530 thạc sĩ, 37 Nhà giáo Ưu tú. Chất lượng đội ngũ nhà giáo có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm tỉ lệ 64% ở các cấp học.

<sup>30</sup> Huyện Đăk Đoa: 05 xã (Hải Yang, Đăk Sơ Mei, xã Hnol, xã Trang và Đăk Krong); huyện Ia Grai: 06 xã (Ia O, Ia Hrun, thị trấn Ia Kha, xã Ia Grang, Ia Péch, Ia Bă); xã Biền Hồ, thành phố Pleiku; huyện Chư Păh: 07 xã (Ia Mơ Nông, Phú Hòa, Ia Ninh, thị trấn Ia Ly, xã Ia Khưol, Nghĩa Hòa, Hòa Phú); huyện Mang Yang: 02 xã (Đăk Ta Ley, H'ra)

Sài Gòn-Gia Lai) triển khai có hiệu quả, góp phần chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.

### 3.3. Văn hoá - Thể thao - Du lịch:

- Các hoạt động nhân dịp Tết Nguyên đán, các ngày lễ kỷ niệm, các sự kiện nổi bật của tỉnh được tổ chức chu đáo và thực hiện đúng quy định phòng, chống dịch Covid-19. Các đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác phòng chống dịch tại khu vực di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, điểm du lịch, vui chơi giải trí tập trung đông người. Công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá dân tộc được chú trọng; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xếp hạng di tích khảo cổ Rộc Tung - Gò Đá là di tích quốc gia. Tổ chức Hội nghị tổng kết 20 năm Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tổ chức Hội diễn Nghệ thuật quần chúng tỉnh Gia Lai lần thứ II, năm 2020.

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao đến năm 2020; chiến lược phát triển thể dục thể thao đến năm 2020; cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại giai đoạn 2012-2020”; “Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030”. Ban hành kế hoạch tổ chức tháng hoạt động thể dục thể thao cho mọi người và ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2030; kế hoạch tổ chức Đại hội thể dục thể thao các cấp cơ sở năm 2021 và Đại hội thể dục thể thao tỉnh Gia Lai lần thứ IX năm 2022. Tổ chức 17 giải thể thao tại tỉnh; tham gia thi đấu 27 giải thể thao khu vực và toàn quốc<sup>31</sup>. Do ảnh hưởng của dịch nên một số giải thể thao lớn phải tạm dừng.

- Ban hành kế hoạch phát triển du lịch tỉnh năm 2020; tổng kết “Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020; xây dựng kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025”. Tổng kết 3 năm thực hiện Chương trình số 43-CTr/TU ngày 26/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai các chương trình xúc tiến kích cầu du lịch Gia Lai. Tổ chức hội nghị xúc tiến sản phẩm kích cầu du lịch tỉnh Gia Lai tại các tỉnh Bình Định, Phú Yên và thành phố Đà Nẵng; phối hợp với Hiệp hội Du lịch Việt Nam xúc tiến “Chương trình kích cầu du lịch Việt Nam 2020”; đón đoàn farmtrip của 120 doanh nghiệp du lịch trong nước khảo sát tại tỉnh và tổ chức gặp mặt kết nối với các doanh nghiệp du lịch; quảng bá, tuyên truyền các điểm đến và du lịch an toàn. Tổ chức các hoạt động “Kỷ niệm 15 năm ngày Không gian văn hoá công chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là di sản phi vật thể của nhân loại”. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên ngành du lịch bị ảnh hưởng nặng nề, năm 2020 ước có 800.000 lượt khách đến tỉnh, bằng 82,47% kế hoạch, giảm 5,33% so với cùng kỳ (trong đó khách quốc tế 4.000 lượt), doanh thu du lịch ước đạt 380 tỷ đồng, bằng 63,33% kế hoạch, giảm 25,49% so với cùng kỳ.

### 3.4. Thông tin - Truyền thông - Phát thanh truyền hình:

- Cơ sở hạ tầng, các thiết bị thuộc mạng lưới bu-ru chính viễn thông trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định; các doanh nghiệp viễn thông đã đảm bảo an toàn thông tin liên lạc các dịp tết, lễ, đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin và giao lưu văn hoá của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng trên địa bàn. Toàn tỉnh có 1.754 trạm thu phát sóng (BTS), 11 trạm điều khiển thông tin di động (BSC); tỷ lệ thuê bao điện thoại đạt 91,39% thuê bao/100 dân; tỷ lệ dân sử dụng Internet

<sup>31</sup> Kết quả đạt 92 Huy chương (Trong đó: 23 HCV, 28 HCB và 41 HCD).

- Đội bóng đá Hoàng Anh Gia Lai đứng thứ 7 Giải bóng đá vô địch quốc gia.

đạt 56,1%. Doanh thu bưu chính, viễn thông ước đạt 1.800 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch, tăng 5,26% so với cùng kỳ.

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 cơ quan báo chí địa phương và 24 cơ quan có văn phòng đại diện hoặc phóng viên thường trú; 175/220 xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh không dây. UBND tỉnh đã thực hiện đúng quy định về hợp báo định kỳ, cung cấp cho các cơ quan báo chí thông tin chính thức, làm rõ những vấn đề được dư luận xã hội quan tâm. Hoạt động thông tin, báo chí, phát thanh truyền hình đã tập trung tuyên truyền công tác phòng, chống dịch Covid-19, việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động chính trị, các hoạt động chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm. Báo Gia Lai phát hành 308 kỳ với 2.635.810 tờ. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã phát thanh 13.359 giờ, truyền hình 41.449 giờ.

### 3.5. Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Đã hỗ trợ 256,526 tỷ đồng cho 302.963 đối tượng bảo trợ xã hội, người có công<sup>(32)</sup>; 20,38 tỷ đồng cho 20.685 đối tượng người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19<sup>(33)</sup> theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nên công tác tạo việc làm gặp nhiều khó khăn. Trong năm đã giải quyết việc làm 24.225 lao động, bằng 95% kế hoạch, giảm 5,26% so với cùng kỳ. Tuyển sinh đào tạo nghề các cấp cho 13.191 người, đạt 119,9% kế hoạch; tỷ lệ lao động được đào tạo đạt 55%. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, dự ước đạt 3.200 người, đạt 100% kế hoạch. Trên địa bàn tỉnh xảy ra 08 vụ tai nạn lao động, làm chết 07 người, 02 người bị thương; so với cùng kỳ tăng 03 vụ, tăng 01 người chết, tăng 02 người bị thương.

- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh liệt sỹ, Lễ viếng; truy điệu và an táng 16 hài cốt liệt sỹ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh qua các thời kỳ ở Campuchia tại Nghĩa trang liệt sỹ Đức Cơ; quy tập 04 hài cốt liệt sỹ tại xã Kon Thụp, huyện Mang Yang. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước cho đối tượng thụ hưởng. Trong dịp tết Nguyên đán Canh Tý đã cấp phát 33.325 suất quà, với tổng kinh phí trên 7,7 tỷ đồng. Phân bổ kịp thời 538,875 tấn gạo trung ương hỗ trợ trong dịp tết và 559,5 tấn trong thời gian giáp hạt năm 2020.

UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, với nhiệm vụ trọng tâm là đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phân bổ kịp thời các nguồn vốn, triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện chương trình. Dự kiến đến cuối năm 2020, mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt 2,54%, tỷ lệ hộ nghèo còn 4,5%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 6,25% (hoàn thành chỉ tiêu đề ra).

- Có 1.403.479 người tham gia bảo hiểm y tế, đạt tỷ lệ 91,05% dân số toàn tỉnh, tăng 2,05% so với cùng kỳ; 96.980 người tham gia bảo hiểm xã hội (có 15.270 người tham gia BHXH tự nguyện), chiếm 11,9% lực lượng lao động, tăng 13,1%; 68.737 người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, chiếm 8,5% lực lượng lao động, tăng 2,1%. Tổng

<sup>32</sup> Người nghèo 107.249 người, kinh phí 80,43 tỷ đồng; Người cận nghèo 156.428 người, kinh phí 117,31 tỷ đồng; Đối tượng bảo trợ xã hội 27.560 người, kinh phí 41,23 tỷ đồng; Người có công 11.599 người, kinh phí 17,36 tỷ đồng.

<sup>33</sup> Hộ kinh doanh có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm là 1.062 hộ, với số tiền 1,062 tỷ đồng; người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm 19.581 lao động, với số tiền 19,271 tỷ đồng; người lao động bị tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương là 06 người với tổng số tiền 10,8 triệu đồng; người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp là 36 người, với số tiền 36 triệu đồng.

thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp ước trên 2.582,6 tỷ đồng, bằng 101,4% kế hoạch, tăng 15,7%; chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên 3.105 tỷ đồng, tăng 17,1%. Các đơn vị còn nợ các loại bảo hiểm 59,9 tỷ đồng, chiếm 2,3% số phải thu.

3.6. Khoa học và công nghệ: Các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học - công nghệ từng bước gắn với thực tiễn. Các doanh nghiệp, người dân đã chú trọng áp dụng khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất. Năm 2020, tiếp tục triển khai 38 nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ (có 09 dự án thuộc chương trình nông thôn miền núi của Bộ Khoa học và Công nghệ). Tư vấn, hướng dẫn 400 tổ chức, cá nhân về đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, 100% sản phẩm OCOP cấp tỉnh đã được hướng dẫn xây dựng hồ sơ bảo hộ nhãn hiệu; hỗ trợ 03 cá nhân lập hồ sơ đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích; triển khai công tác xác lập quyền cho 2 nhãn hiệu chứng nhận Khoai lang Lệ Cần - Đak Đoa và Phở khô Gia Lai; xây dựng 02 chỉ dẫn địa lý "Gia Lai" cho các sản phẩm chanh dây và cà phê của tỉnh Gia Lai. Cấp 18 giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho các tổ chức sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế và cấp 05 Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho các nhân viên tại các cơ sở X-quang. Kiểm định, hiệu chuẩn 7.420 phương tiện đo lường; thử nghiệm 1.561 mẫu sản phẩm.

### 3.7. Công tác dân tộc, tôn giáo:

a) Công tác dân tộc: Các chương trình, chính sách dân tộc được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo triển khai kịp thời. Triển khai hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất cho 65 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới và 238 thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135. Thực hiện Đề án hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg; Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số" theo Quyết định 498/QĐ-TTg; Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025"; Đề án "Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021" theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg. Hoàn chỉnh số liệu để công bố kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số. Xây dựng Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.

b) Công tác tôn giáo: Các ngành, địa phương đã tạo điều kiện và giải quyết kịp thời các nhu cầu chính đáng của tổ chức và cá nhân tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật.

3.8. Công tác phối hợp giữa UBND tỉnh với MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức hội, đoàn thể tiếp tục được chú trọng; tập trung việc tuyên truyền cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Phối hợp chặt chẽ trong phát huy dân chủ, giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tích cực phối hợp trong cải cách hành chính; đánh giá sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với dịch vụ hành chính công để tạo chuyển biến mạnh từ tỉnh đến xã. Tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện Chương trình phối hợp hoạt động giữa UBND tỉnh với MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức hội, đoàn thể. Đề nghị Ủy ban MTTQVN tỉnh chủ trì cùng các thành viên giám sát việc hỗ trợ kinh phí người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của Chính phủ.

Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tiếp nhận ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19 của 250 đơn vị, tổ chức, cá nhân với số tiền và hàng trên 2,6 tỷ đồng (trong

đó tiền mặt 2.254 tỷ; hàng hóa trên 300 triệu đồng gồm: gạo, khẩu trang, cà phê hòa tan, trứng gà...).

#### 4. Lĩnh vực nội chính:

4.1. Công tác đảm bảo an ninh chính trị, quốc phòng, quân sự địa phương: Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn ổn định; các lực lượng chức năng duy trì nghiêm kỷ luật quân đội, chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tổ chức tuần tra canh gác bảo đảm an toàn, tăng cường bám địa bàn, nắm dân và phối hợp chặt chẽ với chính quyền cơ sở thực hiện các biện pháp công tác bảo vệ biên giới, ngăn chặn vượt biên, quản lý tạm trú tại khu vực biên giới; gọi hỏi, răn đe các đối tượng liên quan hoạt động Fulro, “Tin lành Đê ga”, tà đạo “Hà Môn”; bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia. Triển khai Kế hoạch tiếp nhận công dân Việt Nam từ các nước có dịch Covid-19 về Việt Nam qua đoạn biên giới của tỉnh.

Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa 3 lực lượng công an, quân sự, biên phòng. Tổ chức giao, nhận quân năm 2020 đạt 100% kế hoạch (2.255 quân). Chỉ đạo đăng ký độ tuổi 17, độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ năm 2021. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh theo đúng kế hoạch. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đúng quy định, đạt tỷ lệ 1,53% so với dân số.

4.2. Công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội (có báo cáo chuyên đề số 164/BC-UBND ngày 19/11/2020 kèm theo):

a) Phạm pháp hình sự: Giảm về số vụ so với cùng kỳ năm 2019. Trong năm (Tính từ ngày 15/12/2019 đến ngày 14/11/2020) xảy ra 795 vụ phạm pháp hình sự, làm chết 21 người, 132 người bị thương, thiệt hại về tài sản khoảng 52,1 tỷ đồng<sup>(34)</sup>. Nhiều loại tội phạm giảm như: Giết người; cố ý gây thương tích; trộm cắp tài sản<sup>(35)</sup>... Tuy nhiên, một số loại tội phạm tăng như: Xâm hại tình dục, nhất là xâm hại tình dục trẻ em phức tạp<sup>(36)</sup>; chống người thi hành công vụ tăng về số vụ, hậu quả, tính chất mạnh động, liều lĩnh<sup>(37)</sup>; cướp, cướp giật, lừa đảo chiếm đoạt tài sản tăng<sup>(38)</sup>. Đã điều tra làm rõ 648/795 vụ (trong đó điều tra mở rộng 67 vụ), đạt tỷ lệ 81,51% (án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt 95%); làm rõ 1.157 đối tượng; bắt, xử lý 633 đối tượng; tổng tài sản thu hồi khoảng 3,64 tỷ đồng.

b) Tai nạn giao thông: Thực hiện quyết liệt Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, năm 2020 (Tính từ 15/12/2019 - 14/11/2020) trên địa bàn tỉnh xảy ra 286 vụ tai nạn giao thông, làm chết 195 người, bị thương 252 người. So với cùng kỳ năm 2019 giảm cả 3 tiêu chí, giảm 42 vụ (-12,8%), giảm 18 người chết (-8,45%), giảm 68 người bị thương (-21,25%) (Trong đó xảy ra 15 vụ tai nạn rất nghiêm trọng và 03 vụ đặc biệt nghiêm trọng). Tai nạn giao thông được kiểm chế, có 11 địa phương tai nạn giao thông giảm<sup>(39)</sup>. Tuy nhiên, đối tượng gây ra tai nạn giao thông trong lứa tuổi thanh thiếu niên chiếm tỷ lệ cao (chiếm 59,2%). Nguyên nhân chủ yếu do ý thức chấp hành pháp luật của người điều khiển phương tiện giao thông<sup>(40)</sup>.

<sup>34</sup> So với cùng kỳ, phạm pháp hình sự giảm 8,83% số vụ, giảm 48,78% số người chết, giảm 8,3% số người bị thương.

<sup>35</sup> Giết người giảm 07 vụ (25/32 vụ); cố ý gây thương tích giảm 23 vụ (86/109 vụ); trộm cắp tài sản giảm 122 vụ (395/517 vụ).

<sup>36</sup> Xảy ra 49 vụ xâm hại tình dục trẻ em, tăng 13 vụ; trong đó có 24 vụ xảy ra trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (chiếm 48,98% số vụ).

<sup>37</sup> Xảy ra 08 vụ chống người thi hành công vụ, tăng 05 vụ, làm bị thương 09 người, tăng 07 người.

<sup>38</sup> Cướp tài sản 22 vụ, tăng 10 vụ (22/12 vụ); cướp giật tài sản 24 vụ, tăng 06 vụ (24/18 vụ); lừa đảo chiếm đoạt tài sản 42 vụ, tăng 16 vụ (42/26 vụ).

<sup>39</sup> Pleiku, An Khê, Chư Pah, Chư Prông, Đức Cơ, Đak Đoa, Đak Pơ, Ia Pa, Kbang, Kông Chro và Krông Pa.

<sup>40</sup> Điển hình: Đi sai làn đường, phần đường (chiếm 29,37%), không chú ý quan sát (chiếm 27,27%), tránh, vượt, chuyển hướng sai quy định (chiếm 16,08%), vi phạm tốc độ (chiếm 15,73%)...

c) Tội phạm ma túy: Phát hiện 151 vụ, 232 đối tượng tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy (tăng 23 vụ so cùng kỳ). Ngoài ra, phát hiện, xử lý 170 vụ, 859 đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy (tăng 50 vụ, 406 đối tượng so cùng kỳ), bắt giữ tăng 17,97% so cùng kỳ, tập trung nhiều tại địa bàn thành phố Pleiku (chiếm 60,26%). Trong điều kiện cách ly, giãn cách xã hội, tội phạm ma túy vẫn tiếp tục hoạt động với phương thức, thủ đoạn tinh vi, thường xuyên thay đổi, một số đối tượng hoạt động mạnh động, liều lĩnh. Tình trạng thanh thiếu niên tụ tập sử dụng trái phép ma túy tổng hợp tại các cơ sở kinh doanh bar, karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ tiếp tục xảy ra tại một số địa phương<sup>(41)</sup>.

d) Tai, tệ nạn khác: Xảy ra 42 vụ cháy, giảm 27,6% so cùng kỳ<sup>(42)</sup>, nguyên nhân chủ yếu do ý thức phòng, chống cháy nổ của một bộ phận người dân hạn chế, bất cẩn trong sử dụng nguồn nhiệt, nguồn điện và do sự cố kỹ thuật, chập điện; xảy ra 116 vụ tự tử, làm chết 116 người (liên quan đến người dân tộc thiểu số chiếm 63,8%); 83 vụ đuối nước, làm chết 98 người; 03 vụ nổ, chết 03 người, bị thương 02 người; 109 vụ tai nạn khác, làm chết 90 người, bị thương 34 người.

4.3. Công tác nội vụ: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 859/NQ-UBTHQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã (thành phố Pleiku và huyện Chư Păh); Nghị quyết số 113/NQ-CP ngày 05/12/2019 của Chính phủ về việc xác định địa giới hành chính giữa tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ. Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp theo quy định của Trung ương và Tỉnh ủy<sup>(43)</sup>; quyết định quy định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của 03 tổ chức, thành lập 01 tổ chức, đổi tên 01 tổ chức<sup>(44)</sup>. Thực hiện đúng quy định, kịp thời công tác quản lý nhà nước về chính quyền địa phương, công tác cán bộ, quản lý tuyển dụng công chức viên chức, chính sách đối với cán bộ công chức như quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, nâng lương, chuyển nâng ngạch, kỷ luật,...<sup>(45)</sup>. Tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính năm 2020. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

<sup>41</sup> Phát hiện, xử lý 44 vụ, 300 đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại quán bar, karaoke, nhà nghỉ, khách sạn, nhà trọ, tăng 14 vụ, 79 đối tượng so cùng kỳ.

<sup>42</sup> Làm 01 người chết, 03 người bị thương, thiệt hại tài khoảng 26,88 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm 2019, giảm 16 vụ, giảm 01 chết, tăng 02 người bị thương, tài sản thiệt hại tăng 7,73 tỷ đồng (26,88/19,15 tỷ đồng).

<sup>43</sup> Sắp xếp, sáp nhập các trường nghề và thành lập Trường Cao đẳng Nghề Gia Lai; sắp xếp, tổ chức lại Trường Cao đẳng sư phạm; sáp nhập các Ban quản lý các dự án nông nghiệp vào Ban quản lý các dự án công trình giao thông; giải thể Ban quản lý rừng phòng hộ Ayun Pa và đổi tên Ban Quản lý rừng phòng hộ Ayun Pa thành Ban Quản lý rừng phòng hộ Ia Tul; giải thể Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và GDTX huyện Kong Chro và huyện Ia Pa; xếp hạng trường Cao đẳng nghề Gia Lai; việc giải thể Nhà khách Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; giải trình và đề xuất lại việc sáp nhập các trung tâm có chức năng xúc tiến trên địa bàn tỉnh; xem xét, quyết định cho phép thành lập Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến; việc thành lập Ban quản lý các dự án đầu tư và xây dựng tỉnh trên cơ sở hợp nhất 03 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

<sup>44</sup> Quy định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, Trường Cao đẳng Gia Lai và Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng; thành lập Ban chỉ đạo xây dựng hồ sơ khu dự trữ sinh quyển thế giới cao nguyên Kon Hà Nừng; đổi tên Trung tâm dịch vụ bán đấu giá thành Trung tâm dịch vụ đấu giá.

<sup>45</sup> tiếp nhận, tuyển dụng 16CC; nâng ngạch không qua thi: 03CBCC; kỷ luật Cảnh cáo 01CC; phê duyệt kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương năm 2019 cho 361 công chức viên chức trúng tuyển.



Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện đúng quy định. Kịp thời phát hiện, khen thưởng, động viên tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua, nhất là phòng chống Covid-19, phòng chống tội phạm, tham nhũng... Tổ chức thành công Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh lần thứ X.

4.4. Công tác tư pháp: Việc tuyên truyền, triển khai các văn bản pháp luật mới được thực hiện kịp thời. Công tác thẩm định, góp ý, xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ban hành Kế hoạch triển khai công tác pháp chế và công tác văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật; Kế hoạch triển khai công tác, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2020. Trong năm đã thẩm định, góp ý 183 lượt dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; xác minh 4.677 hồ sơ, cấp 4.833 phiếu lý lịch tư pháp; thực hiện trợ giúp pháp lý 784 vụ việc.

4.5. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng (có báo cáo chuyên đề số 158/BC-UBND ngày 09/11/2020 kèm theo):

Thực hiện đúng quy định về công tác thanh tra, không để xảy ra tình trạng thanh tra chồng chéo, trùng lặp; thời gian, nội dung thanh tra được công khai trước cho các đơn vị biết. Trong năm, đã triển khai 109 cuộc thanh tra hành chính tại 178 đơn vị; đã kết thúc 89 cuộc tại 149 đơn vị, phát hiện 67 đơn vị sai phạm với số tiền trên 16,9 tỷ đồng (trong đó kiến nghị nộp ngân sách nhà nước gần 6,5 tỷ đồng), phát hiện diện tích rừng bị phá, lấn chiếm làm nương rẫy là 4.147,61 ha; tổ chức kiểm điểm, xem xét trách nhiệm đối với 27 tập thể, 142 cá nhân, đã thu hồi nộp vào ngân sách gần 5,5 tỷ đồng. Triển khai 126 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với 478 tổ chức, cơ sở và 828 cá nhân; phát hiện 152 tổ chức, 360 cá nhân vi phạm; xử phạt vi phạm hành chính gần 3,2 tỷ đồng (đã nộp vào ngân sách).

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tập trung chỉ đạo thường xuyên; kịp thời giải quyết nhiều vụ việc khiếu kiện của công dân, nhất là những vụ khiếu kiện đông người, phức tạp. Đã tiếp 3.075 lượt công dân (cấp tỉnh 410 lượt, cấp huyện 1.512 lượt, cấp xã 1.153 lượt); có 06 đoàn khiếu nại, kiến nghị đông người (113 người) đến Trụ sở tiếp công dân tỉnh, huyện để kiến nghị, phản ánh.

Trong năm có 65 đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước (có 08 vụ năm 2019 chuyển sang), giảm 29 vụ so với năm 2019; đã xác minh, giải quyết xong 58 vụ, đạt 89,2%. Ngoài ra, các cấp, các ngành đã tiếp nhận và xử lý 1.689 đơn kiến nghị, giảm 136 đơn so với năm 2019.

4.6. Ngoại vụ: Duy trì tốt mối quan hệ truyền thống với các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia, dự Lễ trao tặng Huân chương hữu nghị của Vương quốc Campuchia, Chương trình đón Tết cổ truyền 2020 với cộng đồng người Việt Nam và doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia. UBND tỉnh làm việc với đoàn công tác của Tổng Lãnh sự Cuba, Đại sứ Indonesia, Hà Lan, Đan Mạch, Hoa Kỳ. Có 44 đoàn 213 khách nước ngoài đến thăm, làm việc tại tỉnh. Tỉnh cử và cho phép 04 đoàn với 27 lượt cán bộ, công chức đi công tác nước ngoài.

Đã hỗ trợ hàng hóa, vật tư y tế thiết yếu phòng chống dịch Covid-19 cho các đơn vị thuộc các tỉnh Rattanakiri, Stung Treng, Pret Vihear - Campuchia.

**III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỦA NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		
			Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Đạt, không đạt so với NQ
<b>I</b>	<b>CHỈ TIÊU KINH TẾ</b>				
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (theo giá SS 2010)	%	8,2	6,3	Không đạt
-	Ngành nông lâm nghiệp-thủy sản	%	5,36	5,91	
-	Ngành công nghiệp - xây dựng	%	10,12	6,66	
-	Ngành dịch vụ	%	9,02	6,60	
-	Thuế sản phẩm	%	10,00	3,88	
2	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (theo giá hiện hành)	%	100		Đạt
-	Ngành nông lâm nghiệp-thủy sản	%	36,44	36,01	
-	Ngành công nghiệp - xây dựng	%	28,95	27,57	
-	Ngành dịch vụ	%	34,61	33,28	
-	Thuế sản phẩm			3,14	
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	54,8	51,9	Không đạt
4	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	9	15	Vượt
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới lũy kế	Xã	81	85	Vượt
5	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	630	580	Không đạt
6	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	5.200	4.628,4	Không đạt
7	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	30.000	30.000	Đạt
8	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ	Tỷ đồng	80.000	75.000	Không đạt
<b>II</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI</b>				
9	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,15	1,15	Đạt
10	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	25.500	24.225	Không đạt

11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	55	55	Đạt
12	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2021) giảm còn	%	4,5	4,5	Đạt
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2,54	2,54	Đạt
13	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	89	89	Đạt
14	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	50	50,13	Vượt
15	Số giường bệnh/vạn dân	%	27,4	27,4	Vượt
16	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế	%	90	90	Đạt
17	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	91,05	91,05	Đạt
<b>III</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG</b>				
18	Tỷ lệ che phủ của rừng (kể cả cây cao su)	%	46,7	46,7	Đạt
-	Diện tích trồng rừng mới	Ha	5.000	5.004	Đạt
19	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	95	97	Vượt
20	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%	>99	>99	Đạt
21	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	95	95	Đạt

### ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, chỉ đạo của trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã được UBND tỉnh triển khai kịp thời, nhất là Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020, Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ. Tuy bị ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, nhưng giá trị sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, kim ngạch xuất khẩu, tổng vốn đầu tư phát triển, doanh thu vận tải đều tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ. Công tác phòng, chống dịch Covid-19 được chỉ đạo quyết liệt, phù hợp với tình hình (tỉnh không có trường hợp dương tính); bệnh bạch hầu được khống chế; việc phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, sâu bệnh trên cây trồng được chỉ đạo quyết liệt, không để lây lan; công tác phòng chống thiên tai được chỉ đạo kịp thời. Các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước được phân bổ kịp thời và chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện, giải ngân, Tiến độ thực hiện và giải ngân đạt khá so với cùng kỳ. Công tác quản lý, bình ổn giá cả, phòng chống gian lận thương mại được triển khai quyết liệt. Số doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập mới tăng khá. Chỉ số PCI, chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh tiếp tục được cải thiện. Công tác quản lý nhà nước về thủy lợi, lâm nghiệp tiếp tục được tăng cường. Đã thu hút được doanh nghiệp nghiên cứu, đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, một số doanh nghiệp đã xuất khẩu nông sản qua châu Âu theo Hiệp định EVFTA. Kịp thời hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vượt qua khó khăn do dịch Covid-19, bão lụt gây ra. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục và

đào tạo, y tế tiếp tục có bước phát triển. Các vấn đề bức xúc xã hội, đơn thư khiếu nại, tố cáo được quan tâm giải quyết. An ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí.

Tuy nhiên ảnh hưởng của dịch Covid-19, các cơn bão, áp thấp nhiệt đới đã tác động đến nhiều mặt kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân. Một số doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải ngưng hoạt động hoặc giải thể, người lao động bị mất việc. Bên cạnh đó, giá cả một số mặt hàng nông sản xuống thấp (mía nguyên liệu, tiêu, cao su, cà phê...) ảnh hưởng đến sản xuất và thu nhập của người dân; việc triển khai một số chương trình, dự án trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vẫn còn chậm, chưa thật sự tạo được sự lan tỏa; tình trạng phá rừng, khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép ở một số địa phương vẫn còn diễn ra. Một số chỉ tiêu dự ước không đạt Nghị quyết<sup>46</sup>, nợ xấu cao.

Hiện nay ở nước ta cơ bản dịch Covid-19 không còn lây lan trong cộng đồng; tuy nhiên trên thế giới dịch bệnh còn hết sức phức tạp, đòi hỏi chúng ta vừa chống dịch, vừa khôi phục và phát triển kinh tế; yêu cầu các hoạt động kinh tế - xã hội phải tăng tốc, các chính sách phải tiếp tục được hoàn thiện để tạo điều kiện hơn nữa cho công tác cải cách hành chính, thúc đẩy môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh.

## **B. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021**

### **I. Dự báo tình hình của tỉnh năm 2021.**

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, là năm đầu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030.

Kinh tế của tỉnh tiếp tục có những chuyển biến tích cực, đặc biệt là thu hút đầu tư từ bên ngoài. Các ngành kinh tế tiếp tục phát triển nhờ sự gia tăng hoạt động trong các lĩnh vực như công nghiệp chế biến, công nghiệp điện, thương mại, dịch vụ và du lịch; phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Cách mạng công nghiệp 4.0, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển đô thị và đô thị thông minh được tỉnh quan tâm. Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh ngày càng cải thiện, thúc đẩy đầu tư của khu vực tư nhân. Xuất khẩu các mặt hàng nông sản tiếp tục gia tăng, hoạt động tái cơ cấu ngành nông nghiệp có chuyển biến tích cực. Bên cạnh đó còn có nhiều khó khăn, thách thức lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tác động của dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng; xúc tiến đầu tư còn vướng mắc, nhất là trong lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng, năng lực tài chính của chủ đầu tư. Việc cải thiện chỉ số cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu; giá cả một số mặt hàng nông sản thấp. An ninh chính trị còn tiềm ẩn những yếu tố mất ổn định. Đời sống của một bộ phận người dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, đòi hỏi phải tập trung giải quyết.

Phát huy những kết quả đã đạt được, đồng thời dự báo những thuận lợi, khó khăn, dự kiến mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 như sau:

## **II. Mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021**

### **1. Mục tiêu:**

Tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội ổn định và bền vững, trong đó tập trung vào 04 chương trình trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề

<sup>46</sup> Gồm: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tính, thu nhập bình quân đầu người, kim ngạch xuất khẩu, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ, số lao động được tạo việc làm mới.

ra<sup>(47)</sup> và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; đẩy mạnh thực cơ cấu lại kinh tế; phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị; huy động mọi nguồn lực, nâng cao năng lực nội tại kết hợp với thu hút nguồn lực từ bên ngoài. Tiếp tục phát triển nông nghiệp công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị. Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính. Ứng dụng công nghệ số để nâng cao năng suất lao động trong từng ngành, lĩnh vực; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các công trình, dự án trọng điểm. Tìm kiếm thị trường đầu ra cho các sản phẩm chủ lực; phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm và theo chuỗi. Bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân; phát triển giáo dục - đào tạo gắn với sắp xếp lại mạng lưới trường lớp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

## 2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2021:

Phấn đấu năm 2021 đạt được các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội như sau:

### 2.1. Các chỉ tiêu kinh tế:

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP): 8,0%.
  - + Ngành nông lâm nghiệp - thủy sản tăng 5,59%.
  - + Ngành công nghiệp - xây dựng tăng 9,92%.
  - + Ngành dịch vụ tăng 8,56%.
  - + Thuế sản phẩm tăng 8,4%.
- Cơ cấu kinh tế:
  - + Ngành nông - lâm nghiệp - thủy sản: 35,08%.
  - + Ngành công nghiệp - Xây dựng: 27,97%.
  - + Ngành dịch vụ: 33,79%.
  - + Thuế sản phẩm: 3,16%.
- GRDP bình quân đầu người 55,99 triệu đồng/người.
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 19 xã, lũy kế đạt 107 xã.
- Kim ngạch xuất khẩu: 610 triệu USD, tăng 5,17%.
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 5.047 tỷ đồng tăng 9,04%.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 70.000 tỷ đồng trở lên, tăng 2,5 lần.
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ: 84.000 tỷ đồng, tăng 12%.
- Tỷ lệ đô thị hóa: 31%.

### 2.2. Các chỉ tiêu văn hóa xã hội

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều 2016-2020) còn 3%; mức giảm tỷ lệ hộ nghèo 1,5%; riêng huyện Kông Chro giảm 3%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 57%.
- Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 27,5 giường.
- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo: 90,5%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 54% trở lên.

<sup>47</sup> (1) Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực; (2) Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch; (3) Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu; (4) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế: 90%.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 91,5%.

### 2.3. Các chỉ tiêu môi trường

- Tỷ lệ che phủ của rừng (kể cả cây cao su): 47%.
- + Diện tích trồng rừng trong năm: 8.000 ha trở lên.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 97,3%.
- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung: 70%.
- Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được thu gom và xử lý ở đô thị: 95,3%.

## III. Giải pháp phát triển các ngành và lĩnh vực

### 1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

1.1. Yêu cầu các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục quán triệt các quan điểm, nguyên tắc, phương châm và thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống dịch Covid-19, các chỉ đạo của Bộ, ngành trung ương và của tỉnh.

Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp vừa phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, giải ngân vốn đầu tư công, thúc đẩy xuất nhập khẩu, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, vừa phòng, chống dịch hiệu quả.

1.2. Triển khai Nghị quyết và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, trong đó tập trung vào 04 chương trình hành động trọng tâm của Nghị quyết và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030. Các ngành được phân công hoàn thành việc đề xuất trước ngày 28/02/2021.

Thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.3. Thi đua lập thành tích chào mừng và đảm bảo tuyệt đối an toàn trong dịp Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Thực hiện tốt kế hoạch bầu cử Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

1.4. Tiếp tục tăng cường sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng, sự giám sát của HĐND các cấp, sự phối hợp của Mặt trận, các tổ chức Đoàn thể, tạo sự đồng thuận của nhân dân, doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Yêu cầu các ngành, địa phương, đơn vị tập trung khắc phục khó khăn, khai thác tối đa tiềm năng, phát huy thế mạnh của từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa bàn; quyết tâm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025 ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm.

1.5. Thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của UBND tỉnh. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật, hiệu quả thực thi pháp luật và sự chỉ đạo, điều hành. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, chủ động công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực thi nhiệm vụ. Hoàn thành tiến độ, đảm bảo chất lượng các nội dung theo kế hoạch, chương trình làm việc của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

1.6. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức hội, đoàn thể tiếp tục triển khai có hiệu quả việc củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo; mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động công tác đối ngoại nhân dân. Tập trung tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết, chung sức, đồng lòng, thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; triển khai thực hiện sâu rộng, có hiệu

quả các cuộc vận động, phong trào thi đua. Tiếp tục giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

## **2. Lĩnh vực kinh tế:**

2.1. Thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 8,0%. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Tạo điều kiện để khơi thông, huy động các nguồn lực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là nguồn lực của khu vực tư nhân và dân cư. Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, năng lượng, nông nghiệp, nông thôn, công nghệ thông tin và truyền thông, hạ tầng các khu cụm công nghiệp. Tập trung nâng cao chất lượng đô thị, phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch, hướng tới mô hình đô thị xanh, thông minh và bền vững.

- Tập trung rà soát, triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, nhất là về thủ tục hành chính, quy định pháp lý trong các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các thủ tục đầu tư, đảm bảo mặt bằng, hạ tầng và các điều kiện cần thiết tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn để đón đầu các cơ hội, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư. Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp phù hợp, nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến đất rừng, đất sản xuất của nhân dân, đặc biệt là đất trồng lúa.

2.2. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến cáo nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên các diện tích phù hợp sang các cây trồng khác có lợi thế hơn như: Các loại cây ăn quả, các loại rau, hoa theo hướng công nghệ cao; sử dụng giống mới có năng suất và chất lượng cao; thực hiện các giải pháp, quy trình kỹ thuật tiên tiến, ứng dụng cơ giới hóa và phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch.

- Tiếp tục giảm dần diện tích cao su tại những vùng đất không phù hợp. Ổn định diện tích cây công nghiệp dài ngày, trồng tái canh và ghép cải tạo đối với diện tích điều già cỗi, sâu bệnh nhiều, giống hiệu quả thấp tại các huyện trọng điểm, đẩy mạnh thâm canh. Xây dựng, hoàn thiện và phát triển các hình thức hợp tác liên kết sản xuất theo chuỗi khép kín hoặc liên kết giữa các khâu theo chuỗi.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tự động, thông minh. Thu hút nhà đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, hiện đại; dự án xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, nhà máy chế biến sản phẩm từ chăn nuôi.

- Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh việc trồng rừng gỗ lớn, cung cấp nguyên liệu gỗ có chứng chỉ quản lý rừng bền vững phù hợp yêu cầu của thị trường quốc tế. Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, thu hồi đất rừng bị lấn chiếm; khẩn trương hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng; đề án khung giá rừng trên địa bàn tỉnh. Chủ động tuyên truyền vận động, chuẩn bị hiện trường, cây giống trồng rừng; trồng dặm lại diện tích rừng trồng bị chết không đảm bảo mật độ. Tiếp tục triển khai giao rừng, cho thuê rừng đối với diện tích rừng hiện do UBND cấp xã quản lý, đảm bảo toàn bộ diện tích rừng có chủ thực sự.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, bán thâm canh (tăng dần diện tích nuôi trồng, đẩy mạnh phát triển nuôi cá lồng, bè tại các mặt nước lớn, tăng năng suất nuôi trồng); áp dụng quy trình kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nuôi trồng.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, khí hậu để có hướng dẫn kịp thời việc điều tiết nước, phục vụ sản xuất; phối hợp các địa phương, đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi tu sửa, nạo vét công trình, vận hành điều tiết và tích nước hợp lý đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp. Triển khai phương án kế hoạch phòng, chống thiên tai, bão, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất với phương châm 4 tại chỗ, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống.

- Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm; giảm thiểu ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất, kháng sinh trong sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm, đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.

2.3. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với nâng cao chất lượng đời sống của người dân. Huy động toàn bộ hệ thống chính trị, nâng cao vai trò của các thành viên Ban chỉ đạo các cấp, phối hợp triển khai tốt kế hoạch quân đội tham gia xây dựng nông thôn mới. Phần đầu đến năm 2021, toàn tỉnh có 107 xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt; bình quân mỗi xã đạt 15,96 tiêu chí. Các địa phương đẩy mạnh việc thực hiện thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới. Tiếp tục triển khai xây dựng làng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Chỉ thị số 12-CT/TU của BTV Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng trong xây dựng nông thôn mới tại các làng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển về số lượng, nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp.

Triển khai các chương trình, đề án, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản; hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp xây dựng phát triển thương hiệu, gắn với quảng bá sản phẩm. Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp và các hợp tác xã nông nghiệp tham gia vào liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP, nhất là các doanh nghiệp có thế mạnh như Lộc Trời, Đồng Giao, Vĩnh Hiệp...; triển khai xây dựng, thực hiện mô hình điểm về hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hợp tác xã liên kết theo chuỗi trên các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP và phát triển hợp tác xã dịch vụ, du lịch ở vùng nông thôn; xây dựng sản phẩm OCOP với chủ thể sản xuất là các hợp tác xã nông nghiệp.

2.4. Triển khai phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh và Kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2021 - 2025) của tỉnh, Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện. Thường xuyên rà soát tình hình quản lý sử dụng đất của dự án chậm triển khai hoặc không đưa đất vào sử dụng trên địa bàn tỉnh để xem xét thu hồi đất theo quy định. Xây dựng phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai; tăng cường bảo vệ môi trường, triển khai kế hoạch truyền thông môi trường, lồng ghép với phong trào chống rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cơ sở y tế thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Thường xuyên kiểm tra, xử lý các



cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

2.5. Đẩy nhanh việc hoàn tất các thủ tục đầu tư, tạo mọi điều kiện để các nhà đầu tư sớm hoàn thành đưa vào vận hành các nhà máy điện gió, điện mặt trời đã được Trung ương cho phép bổ sung quy hoạch. Tiếp tục kêu gọi đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi để các dự án năng lượng tái tạo triển khai trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đúng quy định việc đầu tư xây dựng hệ thống điện mặt trời mái nhà.

- Thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt. Đảm bảo vùng nguyên liệu để các nhà máy chế biến hoạt động ổn định và phát huy công suất thiết kế. Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các nhà máy mới, các dự án nâng công suất nhà máy.

- Đẩy nhanh triển khai các thủ tục, đảm bảo mặt bằng, hạ tầng và các điều kiện cần thiết tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn để đón đầu các cơ hội, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo về các thị trường xuất khẩu trọng điểm, giá cả các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh. Triển khai kế hoạch thực hiện Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), các FTA đa phương và song phương mà Việt Nam đã ký kết và đang tham gia đàm phán. Triển khai có hiệu quả chương trình thương hiệu quốc gia, hướng dẫn doanh nghiệp chủ động xây dựng nhãn hiệu hàng hóa gắn với chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của tỉnh, nhất là hàng xuất khẩu. Khuyến khích tổ chức các sự kiện quảng bá, giới thiệu thương hiệu doanh nghiệp, giới thiệu sản phẩm đạt các giải thưởng trong tỉnh, quốc gia, khu vực và quốc tế. Nâng cao chất lượng phục vụ trong khâu thông quan hàng hóa, kiểm tra kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu, đề thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới.

- Tổ chức tốt thị trường lưu thông hàng hóa, đảm bảo cung cầu hàng hóa, các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh nhất là trong các dịp lễ, tết. Thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. Hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

2.6. Triển khai các giải pháp huy động các nguồn lực để đầu tư, trong điều kiện nguồn vốn đầu tư từ ngân sách hạn chế. Phấn đấu tổng mức đầu tư toàn xã hội trên địa bàn năm 2021 đạt 70.000 tỷ đồng trở lên. Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống các công trình giao thông, hạ tầng đô thị, các công trình có tính kết nối, lan tỏa phát triển giữa các ngành, các vùng; các dự án đầu tư cho giáo dục - đào tạo, y tế, hạ tầng du lịch,... Khuyến khích đầu tư theo hình thức PPP (đôi tác công - tư). Tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ngành trung ương để vận động tài trợ vốn ODA.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, các dự án ODA, các công trình thủy lợi, công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường. Quản lý, giám sát chặt chẽ đầu tư công. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, quản lý thống nhất, bảo đảm các dự án đầu tư phải đúng theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Triển khai thực hiện đấu thầu qua mạng theo đúng lộ trình. Đối với các dự án khởi công mới năm 2021 phải hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, dự toán, thiết kế ngay để khởi công, thực hiện ngay từ đầu năm 2021. Tăng cường giám sát chất lượng công trình xây dựng cơ bản. Xây dựng Nghị quyết về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý theo quy hoạch xây dựng. Tăng cường chỉnh trang đô thị, phấn đấu năm 2021 tỷ lệ đô thị hóa đạt 31%.

Xúc tiến mở mới, tăng các chuyến bay đi và đến Cảng hàng không Pleiku. Kiến

ngộ Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Pleiku, làm cơ sở để triển khai đầu tư nâng cấp, mở rộng nhà ga hành khách. Phối hợp thực hiện tốt dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên (Quốc lộ 19); dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 25 đoạn qua địa bàn tỉnh; dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các tuyến quốc lộ, giai đoạn 2 sử dụng vốn vay EDCF của Hàn Quốc; đường tránh phía Đông thành phố Pleiku; đường 665; dự án LRAMP, dự án thủy lợi Ia Thul...

2.7. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách ở tất cả các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị. Tiếp tục thực hiện triệt để tiết kiệm chi, nhất là các khoản chi thường xuyên, các khoản chi liên quan đến mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền; giảm tối đa kinh phí hội nghị, hội thảo, tham quan giao lưu học hỏi kinh nghiệm, tăng dần tỷ trọng cho đầu tư; gắn việc bố trí các dự án, nhiệm vụ chi với khả năng cân đối nguồn lực. Quản lý chặt chẽ nhà, đất, tài sản công, xe công; triển khai đúng quy định về khoán chi hành chính, sử dụng xe công, đấu thầu, đặt hàng trong cung cấp dịch vụ công. Cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng tăng dần tỷ trọng thu cân đối ngân sách. Triển khai thực hiện lộ trình tự chủ đầy đủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, gắn lộ trình tự chủ tài chính với điều chỉnh giá dịch vụ công, điều chỉnh giá theo cơ chế thị trường một số mặt hàng, dịch vụ thiết yếu do nhà nước quản lý.

Ngành tài chính, các địa phương chủ động đề ra các giải pháp, chỉ đạo quyết liệt, liên tục, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh phân cấp nhiệm vụ thu cho các địa phương. Tăng cường thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế; bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước. Thực hiện nghiêm các kết luận của Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước.

2.8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và UBND tỉnh; tăng cường hiệu lực công tác quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn; triển khai kịp thời các chính sách, hướng dẫn của trung ương. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng đẩy mạnh huy động vốn; bám sát danh mục kêu gọi đầu tư của tỉnh Gia Lai và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2021 để bảo đảm đầu tư vốn tín dụng có trọng tâm, trọng điểm. Tập trung xử lý nợ xấu. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh có kế hoạch để cân đối vốn đáp ứng cho vay các chương trình trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc tiếp cận vốn vay ngân hàng theo chỉ đạo của trung ương nhằm giúp các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh hiệu quả, tiếp cận vốn vay của ngân hàng thuận tiện.

### **3. Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ doanh nghiệp, kinh tế tập thể:**

3.1. Tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ, toàn diện kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh. Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân phát triển sản xuất kinh doanh, đổi mới sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chủ động rà soát hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, đơn giản hóa và cải tiến quy trình, thủ tục kiểm tra, kiểm dịch, kiểm soát, kiểm nghiệm, thẩm định và các hoạt động có liên quan đến cấp giấy phép và các giấy tờ khác.

- Xử lý nghiêm, kịp thời các tổ chức, cá nhân, cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trình độ, suy thoái về đạo đức nghề nghiệp, gây nhũng nhiễu, thao túng, chi phối khi thực thi công vụ, vi phạm quy định của pháp luật.

3.2. Đẩy nhanh triển khai Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”; xây dựng chính quyền điện tử. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4; thực hiện Đề án chuyển đổi số quốc gia.

3.3. Chú trọng phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp hình thành, phát triển, có năng lực cạnh tranh trên thương trường trong nước và quốc tế; tham gia vào chuỗi giá trị và các mạng phân phối; hình thành được các sản phẩm, thương hiệu có sức lan tỏa. Phấn đấu trong năm 2021 có trên 1.200 doanh nghiệp thành lập mới.

3.4. Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn để hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu, triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn, nhất là các dự án lớn, có sức lan tỏa. Rà soát, bổ sung, cập nhật kịp thời các quy hoạch, kế hoạch; các quy định pháp luật, chính sách, thủ tục về đầu tư, môi trường, đất đai... để hỗ trợ nhà đầu tư tìm hiểu môi trường đầu tư, triển khai lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư. Đôn đốc các nhà đầu tư triển khai dự án đúng quy định; rà soát, đề xuất UBND tỉnh xem xét thu hồi các dự án chậm tiến độ hoặc nhà đầu tư không đủ năng lực thực hiện. Hướng dẫn các địa phương xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025.

Tiếp tục phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí, tham gia các hội nghị, hội thảo diễn đàn, tọa đàm trong nước và nước ngoài để quảng bá, kêu gọi, thu hút đầu tư vào tỉnh Gia Lai; tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư trực tuyến (online), đẩy mạnh áp dụng kinh tế số trong công tác xúc tiến đầu tư. Xây dựng Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2021. Xây dựng Nghị quyết về đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch.

3.5. Tiếp tục triển khai Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh sang Bưu điện thực hiện.

3.6. Tập trung triển khai thực hiện các mô hình hợp tác xã kiểu mới, nông hội trên địa bàn tỉnh. Triển khai Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho kinh tế tập thể, trong đó hợp tác xã nông nghiệp là nòng cốt. Xây dựng chính sách đặc thù hỗ trợ hợp tác trên địa bàn tỉnh.

#### **4. Lĩnh vực văn hóa - xã hội:**

4.1. Tiếp tục triển khai Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; thực hiện sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo Nghị quyết số 19-NQ/TW. Tiếp tục phát triển mô hình trường phổ thông dân tộc bán trú. Duy trì và nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu đạt 54% vào năm 2021. Giải quyết tình trạng thiếu giáo viên tiểu học và mầm non. Tăng cường quản lý chất lượng các cơ sở giáo dục, đánh giá chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông. Đẩy mạnh các

phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”; “Trường xanh - sạch - đẹp - an toàn”; “Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp THPT”; “Huy động và duy trì sĩ số học sinh”. Triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án của ngành. Khai thác, sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy học; củng cố và quản lý hoạt động liên kết đào tạo; hoạt động của các trung tâm ngoại ngữ, tin học; hoạt động dịch vụ tư vấn du học trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4.2. Chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh, đặc biệt đối với các dịch bệnh nguy hiểm và dịch bệnh mới nổi. Tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo chỉ đạo và hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Y tế và UBND tỉnh để người dân chủ động, tích cực trong việc tự phòng bệnh. Triển khai quyết liệt các biện pháp phòng chống bệnh bạch hầu trên địa bàn tỉnh; công tác vệ sinh môi trường tại các địa phương có ca bệnh theo khuyến cáo của Bộ Y tế. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh; mở rộng dịch vụ, kỹ thuật tạo điều kiện cho người bệnh tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng. Chuẩn bị sẵn sàng vật tư, hoá chất, cơ sở thuốc cấp cứu, điều trị, trang thiết bị y tế, khu vực cách ly để phục vụ công tác điều trị khi có dịch bệnh. Triển khai có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính trong khám chữa bệnh. Thực hiện tốt Quy tắc ứng xử trong bệnh viện. Tiếp tục triển khai tốt các nội dung hợp tác với TP. Hồ Chí Minh. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; tiếp tục củng cố mạng lưới dịch vụ kế hoạch hoá gia đình; tư vấn kiểm tra sức khoẻ sinh sản trước hôn nhân. Đẩy mạnh công tác kết hợp quân - dân y, quan tâm công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế, thanh tra, kiểm tra hoạt động của ngành y tế, nghiêm túc xử lý các trường hợp vi phạm các quy định pháp luật.

4.3. Thực hiện các chính sách giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động, chú trọng tạo việc làm ổn định, cải thiện môi trường và điều kiện lao động; mở rộng thị trường xuất khẩu lao động. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo gắn với giải quyết việc làm. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác tuyển sinh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phân đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 57%, giải quyết tạo việc làm cho 26.000 lao động.

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, đảm bảo an sinh xã hội. Xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động nhân dịp tết Nguyên đán Tân Sửu 2021. Theo dõi sát tình hình thiếu đói giáp hạt, thiệt hại do thiên tai, để kịp thời cứu trợ và đề xuất hỗ trợ kịp thời. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tìm kiếm, qui tập hài cốt liệt sĩ, xác định danh tính liệt sĩ.

Huy động toàn bộ hệ thống chính trị, mọi nguồn lực thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về giảm nghèo nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025; tăng cường công tác tuyên truyền giảm nghèo theo đa chiều đến với mọi cấp, mọi ngành, các tầng lớp dân cư, đặc biệt là người nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số nhằm làm chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên thoát nghèo bền vững đối với các hộ nghèo. Phân đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 3,0%. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tăng cường công tác phòng, chống đuối nước và bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh. Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về công tác bình đẳng giới.

4.4. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị; tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ. Quản lý tốt các hoạt động tổ chức lễ hội, biểu diễn nghệ

thuật. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc. Tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XIV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Tổ chức Hội thảo khoa học về chiến thắng Đak Pơ. Triển khai công tác khảo cổ học tại huyện Phú Thiện, thị xã An Khê; đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia; xây dựng hồ sơ di tích quốc gia đặc biệt Tây Sơn Thượng đạo.

Tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của các tầng lớp nhân dân. Tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh năm 2021, đăng cai tổ chức và tham gia các giải thể thao khu vực và toàn quốc.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình số 43-CTr/TU ngày 26/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; kế hoạch phát triển du lịch của tỉnh giai đoạn 2021-2025. Tổ chức Festival văn hóa công chiêng Tây Nguyên. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch; tiếp tục triển khai các chương trình kích cầu du lịch tỉnh Gia Lai; tăng cường liên kết trong xúc tiến, quảng bá du lịch tỉnh Gia Lai với các tỉnh, thành phố. Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch phát triển mô hình du lịch nông thôn gắn với sản xuất rau, hoa và cây ăn quả; xây dựng quy chế quản lý khách du lịch là người nước ngoài đến tỉnh. Phấn đấu năm 2021 tổng lượt khách tham quan, du lịch đạt 1,1 triệu lượt; doanh thu du lịch đạt 690 tỷ đồng.

4.5. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đề xuất, xác định nhiệm vụ và xét duyệt; kiểm tra, giám sát; nghiệm thu, đánh giá các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Xây dựng cơ sở uơm tạo, cung cấp thông tin, cơ chế chính sách, đào tạo về hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Tăng cường phổ biến áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) đến các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Hướng dẫn xây dựng và tiếp nhận đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy; hồ sơ đăng ký mã số mã vạch. Hỗ trợ và hướng dẫn xây dựng nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm đặc sản của các địa phương trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn vận động các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong sản xuất kinh doanh. Tiếp tục triển khai Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế và Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030.

4.6. Thực hiện tốt các chính sách tôn giáo, dân tộc; phát huy vai trò của người có uy tín, già làng, chức sắc tôn giáo trong cộng đồng; tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật của nhà nước trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030.

4.7. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và người dân, tạo điều kiện cho thị trường viễn thông phát triển nhanh, lành mạnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai ứng dụng chữ ký số trong các giao dịch của cơ quan nhà nước. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về báo chí, thực hiện nghiêm quy chế phát ngôn, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của trung ương, của tỉnh và những vấn đề dư luận quan tâm. Tập trung tuyên truyền công tác phòng, chống dịch Covid-19. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Kịp thời

phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng, đưa tin bịa đặt, sai sự thật, kích động, gây bất ổn xã hội

### **5. Lĩnh vực nội chính:**

5.1. Tiếp tục củng cố và xây dựng khu vực phòng thủ giữ vững nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân an ninh biên giới, nhất là tại các địa bàn trọng điểm vùng biên giới. Các lực lượng tăng cường bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình nội biên, ngoại biên, tuần tra, kiểm soát địa bàn, đấu tranh vô hiệu hóa mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, bọn phản động, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội. Tích cực vận động, tuyên truyền, đấu tranh, bóc gỡ các điểm nhóm phục hồi FULRO, “Tin lành Đegar”, các đường dây đưa người dân tộc thiểu số vượt biên.

5.2. Thực hiện có hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; đề cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, trường học, gia đình trong công tác bảo đảm an ninh trật tự. Triển khai các giải pháp phòng ngừa xã hội đối với tội phạm và chuyển hóa các địa bàn phức tạp về trật tự an toàn xã hội. Mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm theo từng chuyên đề, nhất là các băng nhóm, tội phạm đòi nợ thuê, tín dụng đen, cho vay nặng lãi, xâm phạm môi trường, tài nguyên rừng, tội phạm giết người. Đảm bảo an ninh mạng, phòng ngừa tấn công mạng. Nâng cao chất lượng công tác điều tra án, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Triển khai quyết liệt các biện pháp để đấu tranh, ngăn chặn tội phạm ma túy, mua bán người, trẻ em. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

5.3. Phấn đấu kéo giảm tai nạn giao thông trong năm 2021 từ 5% đến 10% ở cả 3 tiêu chí so với năm 2020. Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện, thị xã, thành phố huy động tối đa các lực lượng chức năng, thường xuyên tuần tra lưu động, kiểm soát, xử lý vi phạm, đặc biệt là các chuyên đề về kiểm soát tải trọng phương tiện, xe hết niên hạn vẫn lưu thông; xử lý vi phạm nồng độ cồn, vi phạm tốc độ; tập trung xử lý các lỗi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn giao thông, trong khung giờ thường xảy ra tai nạn giao thông.

Các huyện, thị xã, thành phố ưu tiên sử dụng các nguồn kinh phí, huy động sự đóng góp của xã hội để lắp đặt camera an ninh ở các trục giao thông chính và các địa bàn trọng điểm an ninh trật tự. Chủ động rà soát, bố trí kinh phí xử lý điểm đen. Tăng cường xử lý tình trạng lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ.

5.4. Chủ động giải quyết kịp thời các vụ việc an ninh nông thôn, tranh chấp, khiếu kiện trong dân, nhất là các vụ việc có dấu hiệu phức tạp, kéo dài, đông người, liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; các hoạt động lợi dụng tôn giáo để chống phá chính quyền, xây dựng, coi nói cơ sở thờ tự trái pháp luật; giảm thiểu các tai, tệ nạn xã hội như tự tử, chết đuối.

5.5. Tăng cường phòng, chống, phát hiện, xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm pháp luật; đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc nghiêm trọng, xã hội quan tâm.

Thực hiện nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm đối với các đối tượng lợi dụng việc tố cáo để vu khống, xúc phạm.

Đề nghị các cơ quan thi hành án tập trung rà soát, phân loại án dân sự, làm tốt công tác xác minh điều kiện thi hành án nhằm thi hành kịp thời các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực.

5.6. Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp theo quy định của Trung

ương và Tỉnh ủy. Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

5.7. Nâng cao hiệu quả công tác hội nhập quốc tế, với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế. Chủ động kết nối với các tổ chức ngoại giao, tổ chức quốc tế; cung cấp, trao đổi thông tin quảng bá, giới thiệu tiềm năng, vận động, kêu gọi đầu tư nước ngoài vào tỉnh./

**Nơi nhận:**

- VPCP (Vụ Địa phương);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Các ĐB HĐND tỉnh khóa XI;
- T/T UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, Website, KTTH, CV các khối.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Tiến Đông**








**Biểu số 1**  
**CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020				Kế hoạch 2021	So sánh (%)		
				Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch phục hồi sau dịch 2020	Ước thực hiện cả năm	Đạt, không đạt so với NQ		Ước TH 2020 so với KH	Ước TH 2020 so với TH 2019	KH 2021 so với ước TH 2020
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu kinh tế</b>										
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tính (GRDP)	%	8,12	8,20	7,70	6,30	Không Đạt	8,00			
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	5,35	5,36	5,91	5,91		5,59			
	+ Công nghiệp và xây dựng	%	10,47	10,12	8,92	6,66		9,92			
	+ Dịch vụ	%	8,79	9,02	8,33	6,60		8,56			
	+ Thuế sản phẩm	%	9,56	10,00	7,59	3,88		8,40			
	GRDP theo giá hiện hành	Tỷ đồng	73.637,16	81.317,36	80.989,80	80.000,32		87.558,04	98,38	108,64	109,45
2	Cơ cấu tổng sản phẩm GRDP (giá hiện hành)										
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	37,34	36,44	36,75	36,01		35,08			
	- Công nghiệp và xây dựng	%	28,42	28,95	28,73	27,57		27,97			
	- Dịch vụ	%	34,25	34,61	34,51	33,28		33,79			
	- Thuế sản phẩm	%				3,14		3,16			
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	48,44	54,80	52,54	51,90	Không Đạt	55,99	94,71	107,14	107,88
4	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	13	9		18		19	200,00	138,46	105,56
	- Lũy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	70	81		88	Vượt	107	108,64	125,71	121,59
	- Số địa phương cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới	huyện	0	2		2		2			
5	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	69.588	80.000	75.000	75.000	Không Đạt	84.000	93,75	107,78	112,00
6	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD	500	630	580	580	Không Đạt	610	92,06	116,00	105,17
7	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	4.554	5.200	4.746	4.628,4	Không Đạt	5.047	89,01	101,63	109,04
8	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	25.998,64	30.000	30.000	30.000	Đạt	70.000	100,00	115,39	233,33
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu văn hóa - xã hội</b>										
1	Dân số trung bình	1.000 người	1.520.155 <sup>(1)</sup>	1.541.152		1.541.437		1.563.788	100,02	101,40	101,45
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,20	1,15		1,15	Đạt	1,15			
2	Số lao động được tạo việc làm	người	25.570	25.500		24.225	Không Đạt	26.000	95,00	94,74	107,33
3	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	52	55		55		57			
4	Tỷ lệ hộ nghèo	%	7,04	< 4,5		< 4,5	Đạt	3,0			
5	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	3,00	2,54		2,54	Đạt	1,5			
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số	%	6,25	6,25		6,25		2,40			
	- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đối với huyện nghèo	%	7,2	7,2		7,2		3,0			
6	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	88,50	89,00		89,00	Đạt	90,50			



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020				Kế hoạch 2021	So sánh (%)		
				Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch phục hồi sau dịch 2020	Ước thực hiện cả năm	Đạt, không đạt so với NQ		Ước TH 2020 so với KH	Ước TH 2020 so với TH 2019	KH 2021 so với ước TH 2020
	Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi trung học cơ sở	%	90,00	91,50		91,50		92,60			
7	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	45,57	50,0		50,13	Vượt	54,0			
8	Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	27,1	27,4		27,4	Đạt	27,5	100,00	101,11	100,36
9	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế	%	87,8	90,0		90,0	Đạt	91,00			
10	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	89,0	91,05		91,05	Đạt	91,50			
11	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	7,7	8,0		8,0		8,2	100,00	103,90	102,50
<b>III Chỉ tiêu về môi trường</b>											
1	Tỷ lệ diện tích che phủ rừng (kể cả cây cao su)	%	46,45	46,70		46,70	Đạt	47,00			
-	Diện tích trồng rừng mới	Ha	5.096	5.000		5.004	Đạt	8.000	100,08	98,19	160
2	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	60,00			65,00		70,00			
3	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	96,20	95,00		97,00	Đạt	97,30			
4	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	93,50	95,00		95,00	Đạt	95,30			
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%				30,00		31,00			

**Ghi chú:** (1) Thực hiện Văn bản số 108/TCTK-DSLĐ ngày 07/02/2020 của Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo số liệu dân số trung bình điều chỉnh 10 năm 2010-2019.



**Biểu số 2**  
**CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	So sánh (%)		
				Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch phục hồi sau dịch 2020	Ước thực hiện cả năm		Ước TH 2020 so với KH	Ước TH 2020 so với TH 2019	KH 2021 so với ước TH 2020
<b>A</b>	<b>Ngành Nông - Lâm - Thủy Sản</b>	Tỷ đồng	<b>28.521</b>	<b>30.030</b>	<b>30.186</b>	<b>30.186</b>	<b>31.880</b>	<b>100,52</b>	<b>105,84</b>	<b>105,61</b>
	Nông nghiệp	Tỷ đồng	27.920	29.420	29.571	29.573	31.185	100,52	105,92	105,45
	Tr.đó: Trồng trọt	Tỷ đồng	23.861	25.257	25.203	25.129	26.182	99,49	105,32	104,19
	Chăn nuôi	Tỷ đồng	3.930	4.030	4.235	4.313	4.843	107,03	109,75	112,28
	Dịch vụ	Tỷ đồng	130	133	133	130	160	98,04	100,65	122,71
	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	395	400	400	399	445	99,82	101,04	111,45
	Thủy sản	Tỷ đồng	205	210	215	214	250	101,93	104,24	116,80
<b>A.1</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>									
	Tổng DTGT	Ha	533.441	536.185	543.370	549.368	549.466	102,46	102,99	100,02
	Tổng SLLT	Tấn	593.463	610.750	625.317	597.289	608.000	97,80	100,64	101,79
	Tr.đó: thóc	Tấn	373.226	376.000	386.282	384.289	378.000	102,20	102,96	98,36
<b>I</b>	<b>Cây lương thực</b>	Ha	<b>120.730</b>	<b>123.100</b>	<b>125.442</b>	<b>120.329</b>	<b>122.100</b>	<b>97,75</b>	<b>99,67</b>	<b>101,47</b>
1	Lúa cả năm	Ha	74.069,8	74.100,0	75.771,2	75.645,6	74.100,0	102,09	102,13	97,96
	NS	Tạ/ha	50,4	50,7	50,8	50,8	51,0	100,12	100,82	100,42
	SL	Tấn	373.226	376.000	384.690	384.289	378.000	102,20	102,96	98,36
	- Lúa đông xuân	Ha	25.620	25.000	25.939	25.908	25.000,0	103,63	101,12	96,50
	NS	Tạ/ha	59,7	60,0	60,0	60,0	60,1	100,01	100,43	100,19
	SL	Tấn	153.079	150.000	155.634	155.461	150.300,0	103,64	101,56	96,68
	- Lúa ruộng vụ mùa	Ha	38.859	40.000	40.432	40.209	40.000,0	100,52	103,47	99,48
	NS	Tạ/ha	52,8	53,0	53,0	53,0	53,1	100,00	100,38	100,24
	SL	Tấn	205.167	212.000	213.885	213.106	212.500,0	100,52	103,87	99,72
	- Lúa cạn vụ mùa	Ha	9.591	9.100	9.400	9.529	9.100,0	104,71	99,36	95,50
	NS	Tạ/ha	15,6	15,4	16,1	16,5	16,7	107,25	105,64	101,23
	SL	Tấn	14.980	14.000	15.171	15.723	15.200,0	112,30	104,96	96,68
2	Ngô cả năm	Ha	46.660	49.000	49.671	44.683	48.000,0	91,19	95,76	107,42
	NS	Tạ/ha	47,2	47,9	48,1	47,7	47,9	99,50	100,99	100,52
	SL	Tấn	220.237	234.750	239.034	213.000	230.000,0	90,73	96,71	107,98
<b>II</b>	<b>Cây tinh bột có củ</b>	Ha	<b>79.112</b>	<b>75.500</b>	<b>77.163</b>	<b>83.078</b>	<b>76.800</b>	<b>110,04</b>	<b>105,01</b>	<b>92,44</b>
1	Sắn cả năm	Ha	73.880	72.000,0	72.513,0	78.880,7	72.600,0	109,56	106,77	92,04
	NS	Tạ/ha	201,4	202,5	202,5	201,9	202,5	99,71	100,24	100,29
	SL	Tấn	1.488.275	1.458.000	1.468.388	1.592.755	1.470.150	109,24	107,02	92,30
2	Khoai lang	Ha	5.232	3.500	4.650	4.198	4.200,0	119,93	80,23	100,06
	NS	Tạ/ha	90,6	90,6	100,4	100,8	104,0	111,31	111,28	103,20
	SL	Tấn	47.399	31.700	46.685	42.318	43.700,0	133,50	89,28	103,27
<b>III</b>	<b>Cây thực phẩm</b>	Ha	<b>51.050</b>	<b>51.050</b>	<b>52.480</b>	<b>57.444</b>	<b>57.600</b>	<b>112,53</b>	<b>112,53</b>	<b>100,27</b>
1	Đậu các loại	Ha	21.430	21.430	21.525	23.510	23.600,0	109,71	109,71	100,38
	NS	Tạ/ha	7,6	7,7	7,9	7,9	8,0	102,20	104,14	101,23
	SL	Tấn	16.193	16.500	16.978	18.500	18.800,0	112,12	114,24	101,62
2	Rau các loại (có cả tre lấy măng)	Ha	29.620,0	29.620,0	30.955,0	33.934,2	34.000,0	114,57	114,57	100,19
	NS	Tạ/ha	143,0	143,1	148,0	142,2	142,7	99,34	99,45	100,36
	SL	Tấn	423.514	424.000	458.210	482.544	485.200,0	113,81	113,94	100,55







Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020			Kế hoạch 2021	So sánh (%)		
			Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch phục hồi sau dịch 2020	Ước thực hiện cả năm		Ước TH 2020 so với KH	Ước TH 2020 so với TH 2019	KH 2021 so với ước TH 2020
I Tổng mức lưu chuyển HH bán lẻ trên địa bàn	Tỷ đồng	69.588	80.000	75.000	75.000	84.000	93,75	107,78	112,00
II Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Tr. USD	500	630	580	580	610,0	92,06	116,00	105,17
- Cà phê	tấn	179.000,0	200.000	200.000	200.000	204.000	100,00	111,73	102,00
- Mủ cao su	Tấn	3.700,0	6.500	6.500	6.500	7.200	100,00	175,68	110,77
- Sản lát	Tấn	3.400,0	8.000	8.000	8.000	9.000	100,00	235,29	112,50
- Gỗ tinh chế	Tr. USD	7,0	11	7,5	7,5	9	68,18	107,14	113,33
- Hàng khác	Tr. USD	195,6	245	263	263	284	107,47	134,61	107,86
III Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn	Tr. USD	95	90	90	90	95	100,00	94,54	105,56
IV Ngân hàng									
1 Tổng nguồn vốn huy động	Tỷ đồng	36.612	41.400	40.300	39.600	42.380	95,65	108,16	107,02
2 Tổng số dư nợ	Tỷ đồng	91.824	102.500	100.100	94.100	98.800	91,80	102,48	104,99
3 Trong đó nợ xấu/tổng số dư nợ	%	2,72	≤3	2,95	3,72	≤3			
V Vận tải									
1 Doanh thu	Tỷ đồng	5.732	6.220	5.960	5.960	6.450	95,82	103,98	108,22
2 KL vận chuyển hàng hóa	Nghìn tấn	27.100	30.810	29.520	29.520	32.100	95,81	108,93	108,74
3 KL luân chuyển hàng hóa	Triệu tấn.Km	4.279	4.990	4.780	4.780	5.200	95,79	111,71	108,79
4 KL vận chuyển hành khách	Nghìn HK	21.270	24.330	23.310	23.310	25.210	95,81	109,59	108,15
5 KL luân chuyển hành khách	Triệu HK.Km	3.244	3.750	3.590	3.590	3.900	95,73	110,67	108,64
VI Doanh thu du lịch									
Doanh thu	Tỷ đồng	510	600,0	510,0	380,0	690,00	63,33	74,51	181,58
VII Bru chính, Viễn thông									
Doanh thu	Tỷ đồng	1.711,0	1.747,0	1.800,0	1.800,0	1.846,0	103,03	105,20	102,56

## Biểu số 3

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ HỢP TÁC XÃ



STT	Phân loại theo địa bàn	Kế hoạch năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Lũy kế số lượng DN, HTX đến cuối năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Ước TH năm 2020 so với KH (%)	KH 2021 /2020 (%)
<b>I</b>	<b>Phát triển Doanh nghiệp</b>						
1	Thành phố Pleiku	710	675	4.385	725	95,07	107,41
2	Thị xã An Khê	55	50	295	60	90,91	120,00
3	Thị xã Ayun Pa	22	24	125	28	109,09	116,67
4	Huyện Chư Păh	24	24	165	25	100,00	104,17
5	Huyện Chư Prông	30	60	225	40	200,00	66,67
6	Huyện Chư Puh	15	42	140	18	280,00	42,86
7	Huyện Chư Sê	60	65	390	70	108,33	107,69
8	Huyện Đak Đoa	36	30	185	35	83,33	116,67
9	Huyện Đak Pơ	17	17	85	18	100,00	105,88
10	Huyện Đức Cơ	30	20	175	30	66,67	150,00
11	Huyện Ia Grai	33	45	245	40	136,36	88,89
12	Huyện Ia Pa	14	18	68	16	128,57	88,89
13	Huyện Kbang	20	15	110	20	75,00	133,33
14	Huyện Kông Chro	16	10	90	14	62,50	140,00
15	Huyện Krông Pa	26	20	125	26	76,92	130,00
16	Huyện Mang Yang	19	23	115	20	121,05	86,96
17	Huyện Phú Thiện	18	12	80	15	66,67	125,00
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.145</b>	<b>1.150</b>	<b>7.003</b>	<b>1.200</b>		
<b>II</b>	<b>Phát triển Hợp tác xã</b>						
1	Thành phố Pleiku	2	5	44	2	250,00	40,00
2	Thị xã An Khê	1	1	11	1	100,00	100,00
3	Thị xã Ayun Pa	1	0	9	1	-	
4	Huyện Chư Păh	1	3	9	1	300,00	33,33
5	Huyện Chư Prông	1	2	19	1	200,00	50,00
6	Huyện Chư Puh	3	2	25	1	66,67	50,00



	Phân loại theo địa bàn	Kế hoạch năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Lũy kế số lượng DN, HTX đến cuối năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Ước TH năm 2020 so với KH (%)	KH 2021 /2020 (%)
7	Huyện Chư Sê	2	3	23	1	150,00	33,33
8	Huyện Đak Đoa	2	3	18	2	150,00	66,67
9	Huyện Đak Pơ	1	1	12	1	100,00	100,00
10	Huyện Đức Cơ	2	0	7	1	-	-
11	Huyện Ia Grai	1	1	16	0	100,00	-
12	Huyện Ia Pa	1	0	16	3	-	-
13	Huyện Kbang	1	1	14	0	100,00	-
14	Huyện Kông Chro	1	7	17	1	700,00	14,29
15	Huyện Krông Pa	1	1	13	0	100,00	-
16	Huyện Mang Yang	1	4	14	1	400,00	25,00
17	Huyện Phú Thiện	1	4	25	1	400,00	25,00
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>23</b>	<b>38</b>	<b>292</b>	<b>18</b>		




**Biểu số 4**  
**CÁC CHỈ TIÊU VĂN HÓA-XÃ HỘI**



Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021	So sánh (%)			
			Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		Ước TH 2020 so với KH	Ước TH 2020 so với TH 2019	KH 2021 so với ước TH 2020	
<b>I. DÂN SỐ</b>									
1	Dân số trung bình	Người	(1) 1.520.155	1.541.152	1.541.437	1.563.788	100,02	101,40	101,45
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,20	1,15	1,15	1,15			
3	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,60	0,55	0,55	0,55			
4	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/ 100 bé gái	108,5	108,5	106	105,5			
<b>II. LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM</b>									
1	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	Người	913.444	927.773	927.773	936.620	100,00	101,57	100,95
2	Số lao động được tạo việc làm	Người	25.570	25.500	24.225	26.000	95,00	94,74	107,33
	<i>Trong đó: Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</i>	Người	1.480	1.400	520	1.400	37,14	35,14	269,23
3	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	52,0	55,0	55,0	57,0			
	<i>Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề</i>	%	34,2	35,4	35,7	36,9			
<b>III. GIẢM NGHÈO</b>									
1	Số hộ nghèo	Hộ	25.807	16.769	16.769	11.368	100,00	64,98	67,79
2	Tỷ lệ hộ nghèo	%	7,04	4,50	4,50	3,0			
3	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	3,00	2,54	2,54	1,5			
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số	%	6,25	6,25	6,25	2,40			
5	Giảm tỷ lệ hộ nghèo đối với huyện nghèo	%	7,2	7,2	7,2	3,0			
6	Số hộ cận nghèo	Hộ	36.988	37.995	37.995	41.657	100,00	102,72	109,64
7	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	10,09	10,20	10,20	11,00			
8	Số hộ thoát nghèo	Hộ	11.197	11.288	11.288	7.651	100,00	100,81	67,78
9	Số hộ tái nghèo	Hộ	136	250	250	250	100,00	183,82	100,00
10	Số hộ nghèo mới	Hộ	1.995	2.000	2.000	2.000	100,00	100,25	100,00
<b>IV. Y TẾ - XÃ HỘI</b>									
1	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	89,0	91,05	91,05	91,50			
2	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	%	11,2	13,0	11,0	15,0			



	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	27,1	27,4	27,4	27,5	100,00	101,11	100,36
4	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	7,7	8,0	8,0	8,20	100,00	103,90	102,50
	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	90,0	92,0	92,0	92,50			
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ liều	%	92,8	97,0	97,0	97,0			
7	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế	%	87,8	90,0	90,0	91,0			
8	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	19,2	18,9	18,9	18,8			
9	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em (2)	Xã, phường, thị trấn	140	140	140	140	100,00	100,00	100,00
10	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%	63,64	63,64	63,64	63,64			
<b>V VĂN HOÁ</b>									
1	Số xã, phường, thị trấn có nhà văn hoá được xây dựng riêng	Xã, phường, thị trấn	104	72	105	110	145,83	100,96	104,76
2	Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%	79,0	78,5	82,0	83,0			
3	Tỷ lệ làng, xóm, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa quốc gia	%	80,0	78,5	82,0	83,0			
4	Lượt khách du lịch:	Lượt người	845.000	970.000	800.000	1.100.000	82,47	94,67	137,50
	+ Khách quốc tế	Lượt người	15.000	17.000	4.000	20.500	23,53	26,67	512,50
	+ Khách nội địa	Lượt người	830.000	953.000	796.000	1.079.500	83,53	95,90	135,62
<b>VI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>									
1	Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	392.128	393.200	394.938	395.900	100,44	100,72	100,24
	+ Mẫu giáo	Học sinh	79.065	79.200	77.346	78.000	97,66	97,83	100,85
	+ Tiểu học	Học sinh	167.816	168.000	167.962	168.200	99,98	100,09	100,14
	+ Trung học cơ sở	Học sinh	102.327	103.000	105.860	105.900	102,78	103,45	100,04
	+ Trung học phổ thông	Học sinh	42.920	43.000	43.770	43.800	101,79	101,98	100,07
2	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	88,50	89,00	89,0	90,5			
3	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi	%	99,9	99,9	99,9	99,9			
	+ Tiểu học	%	99,9	99,9	99,9	99,9			
	+ Trung học cơ sở	%	90,0	91,5	91,5	92,6			
	+ Trung học phổ thông	%	51,5	52,0	52,0	52,2			
4	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	45,57	50,0	50,13	54,0			
<b>VII THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG</b>									
1	Mật độ thuê bao Internet băng rộng	TB/100 dân	6,82	7,49	7,66	8,19	102,27	112,32	106,92



2	Điểm bưu điện văn hóa xã đang hoạt động	Điểm	157	157	157	157	100,00	100,00	100,00
3	Số giờ phát sóng phát thanh								
	- Đài tỉnh	Giờ	13.322	13.320	13.359	13.322	100,29	100,28	99,72
	Trong đó : Tiếng Jrai, Bahnar	Giờ	912	912	912	912	100,00	100,00	100,00
	- Đài huyện, thị xã, thành phố	Giờ	156.527	156.930	165.218	163.965	105,28	105,55	99,24
4	Số giờ phát sóng truyền hình								
	- Đài tỉnh	Giờ	41.336	41.300	41.449	85.000	100,36	100,27	205,07
	Trong đó : Tiếng Jrai, Bahnar	Giờ	730	730	730	730	100,00	100,00	100,00
	- Đài huyện, thị xã, thành phố	Giờ	150.620	137.050	136.510	0	99,61	90,63	0,00

**Ghi chú:** (1) Thực hiện Văn bản số 108/TCTK-DSLĐ ngày 07/02/2020 của Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo số liệu dân số trung bình điều chỉnh 10 năm 2010-2019.

(2) Đánh giá theo QĐ số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của TTCP về Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

**Biểu số 5****CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020		Kế hoạch 2021
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	60,00		65,00	70,00
2	Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được thu gom và xử lý ở đô thị	%	93,50	95,00	95,00	95,30
3	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chí môi trường	%	100,00	100,00	100,00	50,00
4	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh	%	96,20	95,00	97,00	97,30
5	Tỷ lệ che phủ rừng (kể cả cây cao su)	%	46,45	46,70	46,70	47,00